



BẢN TIN

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

ISSN 1859 - 0268

SỐ 02/2021

CHÀO MỪNG NGÀY SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI 26/4



Doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Mang ý tưởng đến với thị trường



Ngày 26/4 hằng năm, chúng ta kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới để tìm hiểu về vai trò của quyền sở hữu trí tuệ trong khuyến khích hoạt động đổi mới và sáng tạo.

Mọi hoạt động kinh doanh đều khởi đầu từ một ý tưởng. Hàng triệu doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) đang hoạt động trên toàn cầu đều khởi nguồn từ một ý tưởng, ý tưởng đó được thành hình và đến với thị trường.

Khi một ý tưởng được nuôi dưỡng và hun đúc cùng với kỹ thuật, kỹ năng và sự khéo léo sẽ trở thành một tài sản trí tuệ, tài sản trí tuệ đó có thể phát triển hoạt động kinh doanh, giúp phục hồi kinh tế và góp phần vào tiến bộ của nhân loại.

Ý tưởng mới vẫn hàng ngày được hình thành xung quanh chúng ta từ những khối óc sáng tạo của các kiến trúc sư, nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà thiết kế, kỹ sư, doanh nhân, nhà nghiên cứu, nhà khoa học và còn rất nhiều thành phần xã hội khác. Ý tưởng sáng tạo được hình thành trong mọi lĩnh vực, từ nghệ thuật đến trí tuệ nhân tạo, từ thời trang đến nông nghiệp, từ lĩnh vực năng lượng tái tạo đến kinh doanh bán lẻ, truyền hình đến du lịch và ngay cả từ thực tế ảo đến các trò chơi giải trí...

Một số ý tưởng trở thành sản phẩm và dịch vụ được thương mại, một số ý tưởng khác thì không. Con đường mang ý tưởng đến thị trường có tính mạo hiểm. Nhưng khi vấn đề sở hữu trí tuệ được quan tâm và chú trọng, doanh nghiệp có thể dự đoán, điều hướng và quản trị những rủi ro, khó khăn trên con đường thương mại.

Trong bối cảnh nhu cầu cấp bách phục hồi kinh tế cao, Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 2021 đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc dẫn dắt các DNNVV; trên nền tảng quyền sở hữu trí tuệ có thể giúp các doanh nghiệp trở nên mạnh mẽ hơn, cạnh tranh hơn và có sức chống chịu tốt hơn.

DNNVV là “trụ cột” của nền kinh tế quốc gia, giữ vai trò cung cấp nhu yếu phẩm và các dịch vụ thiết yếu hàng ngày của chúng ta. Họ là nơi ươm mầm cho các hoạt động đổi mới và thúc đẩy sáng tạo, đồng thời cũng tạo ra nhiều công ăn việc làm. Trong số đó sẽ có một số doanh nghiệp có khả năng vươn ra tầm thế giới.

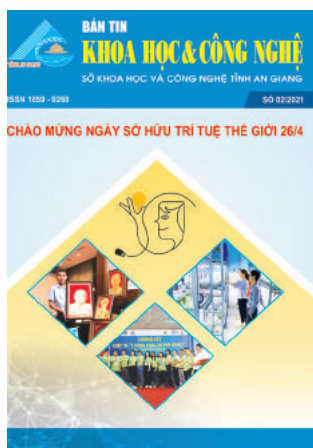
DNNVV chiếm khoảng 90% số doanh nghiệp trên toàn thế giới, sử dụng khoảng 50% lực lượng lao động toàn cầu và đóng góp lên đến 40% thu nhập quốc gia ở một số nền kinh tế mới nổi; chưa kể đến những doanh nghiệp phi chính thức.

Các doanh nghiệp này đều khởi nguồn với một ý tưởng cùng với khéo léo giúp hình thành nên sản phẩm hoặc dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Mọi doanh nghiệp đều có thể sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ và nâng tầm giá trị cho những tài sản kinh doanh của họ. Trong khi đó, vẫn còn nhiều doanh nghiệp chưa nhận thức được tầm quan trọng và giá trị của sở hữu trí tuệ; nó cũng có nghĩa là nhiều doanh nghiệp đang bỏ lỡ cơ hội để cải thiện vị thế và tăng trưởng. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy khi các doanh nghiệp có sự hiểu biết về sở hữu trí tuệ cũng như sử dụng và phát huy quyền sở hữu trí tuệ khi đó sẽ hoạt động tốt hơn.

Nếu thế giới sở hữu trí tuệ vẫn còn khá mới mẻ đối với bạn thì Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 2021 là một cơ hội để bạn hiểu biết thêm về các công cụ sở hữu trí tuệ góp phần mang ý tưởng của bạn đến với thị trường, có thể kể đến như nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả, sáng chế, bí mật thương mại, chỉ dẫn địa lý và còn nhiều công cụ khác.

Quyền sở hữu trí tuệ sẽ giúp bạn biến ý tưởng thành cơ hội kinh doanh, nâng tầm giá trị, góp phần tạo công ăn việc làm và làm phong phú thêm những sản phẩm cho đời sống. Với sở hữu trí tuệ, không chỉ doanh nghiệp của bạn phát đạt mà cộng đồng của bạn còn trở nên thịnh vượng. Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 2021 nêu bật vai trò nòng cốt của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới cũng như các cơ quan, văn phòng sở hữu trí tuệ quốc gia và khu vực trên toàn thế giới trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV trong các hoạt động đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy phục hồi kinh tế và tạo ra công ăn việc làm.

Hãy cùng chúng tôi tôn vinh sự khéo léo, sáng tạo ẩn chứa bên trong mỗi DNNVV luôn mạnh dạn tạo ra sự khác biệt và những đóng góp của họ trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Chung tay hỗ trợ các DNNVV tại địa phương của bạn và góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên đất nước mình./.



ISSN 1859 - 0268

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ths. TÀNG PHÚ AN

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trưởng Ban biên tập:

Ths. LÊ QUỐC CƯỜNG

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Phó Trưởng Ban biên tập:

Ths. TRẦN PHÚ VINH

Thư ký:

Ths. NGUYỄN BẢO LÂM

Biên tập viên:

Ths. ĐẶNG THỊ TIẾP THU

Ks. TRƯƠNG BẢO QUỐC

Ks. HÀ THỊ MỸ TRANG

Ks. TRƯƠNG TUẤN KIẾT

Trình bày

NGÔ THỊ XUÂN

Tòa soạn:

Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

☎ (0296) 3852212 hoặc (0296) 3954305

✉ bantinhkcnag@gmail.com

In 550 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty CP In An Giang.
Giấy phép xuất bản số 02/GP-XBBT ngày 27/01/2021
của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang.
In xong nộp lưu chiểu tháng 04/2021.

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN - CHÍNH SÁCH

1. Quyết định ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030. 2
2. Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025". 3
3. Nghị định quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. 4

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

4. Kết quả thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030. 6
5. Tình hình sản xuất kinh doanh lúa gạo và định hướng xây dựng và phát triển thương hiệu gạo An Giang. 9
6. Bảo hộ giống cây trồng: quyền lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. 10
7. Kết quả thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu. 13
8. Thị trường khoa học và công nghệ An Giang: hiện trạng và giải pháp. 17
9. Hiệu ứng tích cực từ Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong đoàn viên thanh niên. 21
10. Nghiên cứu xây dựng mô hình lúa - cá sạch tại tỉnh An Giang. 24
11. Nghiên cứu quy trình lưu trữ một số giống dược liệu in vitro tiềm năng bằng phương pháp hạt nhân tạo. 26
12. Kết quả 05 năm triển khai Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025". 29

TIN TỨC

13. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang. 31
14. Thông tin cảnh giác đối với các mặt hàng dầu nhờn động cơ đốt trong nghi vấn giả và không đảm bảo chất lượng. 33
15. Hoạt động giám sát nhiệm vụ khoa học và công nghệ quý I/2021. 34
16. Giới thiệu các công cụ tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp. 36
17. Kết quả cuộc thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và sử dụng phương tiện đo nhóm 2 trong lĩnh vực y tế. 37
18. Kết quả Đại hội Đại biểu Hội khoa học lịch sử lần thứ IV, nhiệm kỳ 2021 - 2025. 38
19. Thông báo: Về việc nộp, tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn, bức xạ và hạt nhân. 40

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNSH	Công nghệ sinh học	NHCN	Nhãn hiệu chứng nhận
ĐMST	Đổi mới sáng tạo	NNCNC	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	SHCN	Sở hữu công nghiệp
KH&CN	Khoa học và Công nghệ	SHTT	Sở hữu trí tuệ
KT-XH	Kinh tế - xã hội	UBND	Ủy ban nhân dân

CHÍNH PHỦ:

QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

Ngày 25/01/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 118/QĐ-TTg về Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030; trong đó có các nội dung chính như sau:

- Về mục tiêu tổng quát của Chương trình là tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao; thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp ở vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện KT - XH khó khăn và đặc biệt khó khăn; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ.

- Về mục tiêu cụ thể đến năm 2025 là: ⁽¹⁾Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm; ⁽²⁾100% các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm trực tiếp tham gia Chương trình hình thành các tổ chức nghiên cứu và phát triển; có từ 3 đến 5 ngành sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ hoặc tạo ra được công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị để sản xuất ra các sản phẩm, có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường; ⁽³⁾Thúc đẩy tăng năng suất lao động trên cơ sở đổi mới công nghệ, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng công nghệ cao; các doanh nghiệp trực tiếp tham gia Chương trình có năng suất lao động cao hơn ít nhất 1,5 lần năng suất lao động khi

chưa đổi mới công nghệ; ⁽⁴⁾Khoảng 5.000 kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp được tập huấn, đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới ở 10 lĩnh vực chủ lực, trọng điểm thông qua hình thức tại chỗ và trực tuyến; ⁽⁵⁾hình thành tại mỗi vùng kinh tế ít nhất một mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ điển hình phù hợp với điều kiện đặc thù của địa bàn để triển khai nhân rộng.

- Về mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là: ⁽¹⁾Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 20%/năm; ⁽²⁾100% các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển; có từ 8 đến 10 ngành sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ hoặc tạo ra được công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị để sản xuất ra các sản phẩm, có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường; ⁽³⁾các doanh nghiệp trực tiếp tham gia Chương trình có năng suất lao động cao hơn ít nhất 2 lần năng suất lao động khi chưa đổi mới công nghệ; ⁽⁴⁾khoảng 10.000 kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp được tập huấn, đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới ở 15 lĩnh vực chủ lực, trọng điểm thông qua hình thức tại chỗ và trực tuyến; ⁽⁵⁾hình thành tại mỗi vùng kinh tế ít nhất hai mô hình nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ điển hình phù hợp với điều kiện đặc thù

(xem tiếp trang 5)

CHÍNH PHỦ:

QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 844/QĐ-TTg NGÀY 18/5/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN "HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐMST QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025"

Ngày 09/02/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 188/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025"; Theo đó, một số nội dung chính được bổ sung như sau:

Thứ nhất, xây dựng hệ thống trung tâm ĐMST hỗ trợ nghiên cứu phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo vận hành thành công các trung tâm với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh so với khu vực và quốc tế. Phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại 03 thành phố là Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và các Trung tâm khởi nghiệp ĐMST tại các bộ, ngành, địa phương, tổ chức có tiềm năng về khởi nghiệp ĐMST.

Phát triển Mạng lưới khởi nghiệp ĐMST quốc gia khuyến khích sự tương tác, kết nối nguồn lực trong hệ thống các Trung tâm khởi nghiệp ĐMST và các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST trong nước, nước ngoài; đến năm 2025 có chương trình hợp tác với đối tác quốc tế tại ít nhất 05 hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST có uy tín trên thế giới.

Tầm nhìn đến năm 2030 hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đạt xếp hạng trong 15 hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST mới nổi của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Thứ hai, hỗ trợ phát triển các Trung tâm khởi nghiệp ĐMST theo mô hình khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương, ngành, lĩnh vực, tại các tổ chức có tiềm năng phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

Thứ ba, hình thành và hỗ trợ phát triển Mạng

lưới khởi nghiệp ĐMST quốc gia với các nội dung hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động sau:

- Xây dựng, phát triển mạng lưới tổ chức, cá nhân khởi nghiệp ĐMST, đầu tư, chuyên gia, tổ chức tư vấn, huấn luyện, đào tạo, truyền thông, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp ĐMST tại địa phương, vùng, quốc gia; tham gia với tư cách thành viên vào hoạt động của các mạng lưới ở phạm vi khu vực và thế giới, thu hút nguồn lực quốc tế hỗ trợ cho khởi nghiệp ĐMST trong nước;

- Hoạt động hợp tác với chuyên gia, tổ chức quốc tế trong đào tạo, huấn luyện; truyền thông; tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị, hành trình khởi nghiệp ĐMST trong nước và ngoài nước; tư vấn chuyển giao công nghệ, đầu tư, phát triển thị trường; nghiên cứu, khảo sát, báo cáo đánh giá, tư vấn hoàn thiện thể chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST; mời chuyên gia, cố vấn, người Việt Nam thành công ở nước ngoài đến làm việc, tư vấn thường xuyên, cung cấp dịch vụ cho các khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST ở phạm vi ngành, vùng, địa phương, cơ sở;

Đồng thời, xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý Đề án; xây dựng, nâng cấp và vận hành Cổng thông tin khởi nghiệp ĐMST quốc gia, các nền tảng kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia thuộc Bộ tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, hướng dẫn hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST tại bộ, ngành, địa phương, tổ chức có tiềm năng phát triển khởi nghiệp ĐMST; tổ chức Ngày hội khởi nghiệp ĐMST quốc gia; thành lập Ban điều hành Mạng lưới khởi nghiệp ĐMST quốc gia./.

Nguyễn Bảo Lâm

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN An Giang

(Nguồn: Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Chính phủ)

CHÍNH PHỦ:

NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

Ngày 09/12/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 142/2020/NĐ-CP quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Nghị định quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ, Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử và Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. Ngoài ra, còn có các thủ tục phụ trợ như phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở, cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ. Nghị định gồm có 63 điều chia thành 5 chương và 7 phụ lục. Gồm các quy định sau:

- Điều kiện cấp Giấy phép tiến hành bức xạ, Thẩm quyền cấp, thời hạn xử lý hồ sơ, thời hạn giấy phép, Giấy xác nhận khai báo và Chứng chỉ nhân viên bức xạ.

- Hướng dẫn thủ tục cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ quy định từ Điều 14 đến Điều 21 Nghị định 142/2020/NĐ-CP.

- Hướng dẫn thủ tục cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ quy định từ Điều 22 đến Điều 27 Nghị định 142/2020/NĐ-CP và thủ tục gia hạn, sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy phép.

- Hướng dẫn thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, yêu cầu nội dung bản kế hoạch ứng phó sự cố.

- Yêu cầu đảm bảo an ninh đối với nguồn phóng xạ.

- Điều kiện cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT và Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.

- Hướng dẫn thủ tục cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT và Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.

Các điểm mới trong Nghị định như sau:

- Các cơ sở bức xạ không cần phải xin Giấy phép tiến hành công việc bức xạ: Thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ được miễn trừ khai báo, cấp giấy phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 5:2010/BKHCN về An toàn bức xạ - Miễn trừ khai báo, cấp giấy phép; Sử dụng hàng hóa tiêu dùng đã chiếu xạ hoặc chứa chất phóng xạ.

- Các cơ sở bức xạ không cần phải xin Giấy phép xây dựng: Cơ sở vận hành thiết bị chiếu xạ có cơ cấu tự che chắn theo thiết kế của nhà sản xuất; Cơ sở vận hành máy gia tốc sử dụng di động để soi chiếu kiểm tra hàng hóa.

- Không quy định phải có người phụ trách an toàn đối với các cơ sở: Lưu giữ nguồn phóng xạ nhóm 5 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6:2010/BKHCN về An toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ (QCVN 6:2010/BKHCN); Chỉ sử dụng: thiết bị X-quang chụp răng sử dụng phim đặt sau huyệt ổ răng, thiết bị phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X và thiết bị soi bo mạch.

- Bổ sung quy định về nhân viên được đào

tạo về vật lý y khoa nhằm bảo đảm chất lượng chẩn đoán và điều trị bệnh đối với các cơ sở xạ trị, cơ sở y học hạt nhân, cơ sở sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính, thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình.

- Các cơ sở sử dụng, xử lý, lưu giữ nguồn phóng xạ Nhóm 3, Nhóm 4, Nhóm 5 theo QCVN 6:2010/BKHCN không cần phải phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở.

- Bổ quy định về diện tích phòng đặt thiết bị X-quang.

- Các cơ sở có nhiều giấy phép có thể xin gộp thành một giấy phép duy nhất để thuận tiện cho công tác quản lý.

- Được sửa đổi giấy phép trong một số trường hợp mà quy định cũ không cho

phép sửa.

- Rút ngắn thời gian thẩm định và cấp tất cả các loại Giấy phép từ 5-30 ngày so với quy định hiện hành.

- Thời gian nộp hồ sơ gia hạn muộn hơn so với quy định cũ (trước 60 ngày): 15 ngày đối với giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu; 45 ngày với đối với các giấy phép khác. Thời gian xử lý hồ sơ gia hạn nhanh hơn quy định cũ (60 ngày): 15 ngày đối với Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu; 25 ngày đối với Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế; 30 ngày đối với giấy phép khác.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2021./.

Đặng Thị Tiếp Thu

Thanh tra Sở KH&CN

(Nguồn: Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ)

(tiếp theo trang 2)

của địa bàn để triển khai nhân rộng.

- Về nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình: ⁽¹⁾Hoàn thiện thể chế pháp lý thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ; ⁽²⁾Xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia; ⁽³⁾Nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường; ⁽⁴⁾Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ; ⁽⁵⁾Đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ tại các vùng nông thôn, miền núi,

vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; ⁽⁶⁾Tăng cường nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình và ⁽⁷⁾Đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình, Quyết định số 118/QĐ-TTg đã phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng nhóm cơ quan, đơn vị. Trong đó, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thẩm quyền quản lý, thuộc nội dung của Chương trình./.

Nguyễn Thị Ngân Giang

Phòng Quản lý chuyên ngành - Sở KH&CN

(Nguồn: Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2018 - 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Phòng Quản lý chuyên ngành
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Triển khai thực hiện Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2020. Chương trình với mục tiêu tiếp tục nâng cao nhận thức tổ chức, cá nhân trong tỉnh về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ nhằm phục vụ phát triển KT - XH, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ. Qua hơn 02 năm thực hiện, Chương trình đã đạt được một số kết quả như sau:

- Về hướng dẫn đăng ký bảo hộ SHCN

Từ năm 2018 - 2020, đã hướng dẫn thủ tục đăng ký xác lập quyền SHCN cho các đối tượng: nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích là 226 lượt, đạt 90,4% mục tiêu đề ra. Thống kê trên cơ sở dữ liệu của Cục SHTT, năm 2018 - 2020, toàn tỉnh có 647 đơn đã nộp đăng ký xác lập quyền SHCN (mục tiêu là 135 đơn), trong đó có 607 đơn đăng ký nhãn hiệu, 30 đơn kiểu dáng công nghiệp, 06 đơn sáng chế, 04 đơn giải pháp hữu ích và được cấp 406 văn bằng/giấy chứng nhận (382 nhãn hiệu, 19 kiểu dáng công nghiệp, 02 sáng chế và 03 giải pháp hữu ích).

Đối tượng SHCN	2018		2019		2020	
	Nộp đơn	Cấp VBBH	Nộp đơn	Cấp VBBH	Nộp đơn	Cấp VBBH
Sáng chế	01	01	04	01	01	0
Giải pháp hữu ích	01	03	02	0	01	0
KDCN	13	7	14	11	03	01
Nhãn hiệu	190	114	229	121	188	147
Chỉ dẫn địa lý	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	205	125	249	133	193	148

- Về tổ chức đào tạo, tập huấn, hội thảo và tuyên truyền SHTT

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp: ⁽¹⁾Cục Sở hữu trí tuệ, Viện Quản trị tài sản trí tuệ Minh Đức, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh An Giang tổ chức 11 lớp tập huấn kiến thức các nội dung về SHTT và có hơn 478 lượt người tham dự; ⁽²⁾Hiệp hội doanh nghiệp, Sở, ban, ngành và UBND huyện, thị, thành phố tổ chức 03 hội thảo chuyên đề về SHTT và có khoảng 191 lượt người tham dự; ⁽³⁾Đài phát thanh - truyền hình An Giang thực hiện 14 chuyên mục “Sở hữu trí tuệ và cuộc sống”, với Báo An Giang thực hiện 12 bài viết về công tác quản lý Nhà nước về SHTT.

Hàng năm, nhân Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4, phát động đến Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, thành phố, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN hỗ trợ tuyên truyền và treo băng rôn khẩu hiệu tại cơ quan, đơn vị theo chủ đề cụ thể của từng năm “Hưởng ứng ngày sở hữu trí tuệ thế giới 26/4,.....”

Báo cáo tham luận và hướng dẫn quy trình thủ tục đăng ký xác lập quyền SHCN tại các hội thảo, tập huấn do sở, ban, ngành tỉnh tổ chức lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến hàng năm của các đơn vị. Bên cạnh đó, còn rất nhiều bài viết, bản tin liên quan SHTT được đăng trên website và Bản tin Khoa học và Công nghệ.

Song song việc tổ chức và phối hợp tổ chức



Khóa đào tạo chuyên sâu về SHTT dành cho doanh nghiệp đặc sản An Giang năm 2019

các lớp tập huấn, Sở KH&CN đã cử cán bộ, công chức tham gia các buổi hội thảo, tập huấn do Cục SHTT và các cơ quan Trung ương tổ chức như: Hội thảo “Hệ thống Lahay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp”, Hội thảo “Giải pháp thúc đẩy hoạt động SHTT trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tại các Trường Đại học, tổ chức khoa học công nghệ phía Nam”, tập huấn “Thẩm định giá tài sản trí tuệ (TSTT) hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và xác định yếu tố xâm phạm quyền đối với tên thương mại”. Ngoài ra, tham gia Đoàn khảo sát đánh giá hiệu quả hoạt động bảo hộ và phát triển TSTT cho sản phẩm đặc thù địa phương tại tỉnh Sơn La và Kiên Giang do Cục SHTT tổ chức và phối hợp với sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức Đoàn trao đổi, học tập kinh nghiệm, khảo sát chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và trao đổi hệ thống OCOP tại tỉnh Quảng Ninh và Hà Nam.

- Về hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ SHCN

Chương trình đã hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ cho 20 nhãn hiệu cá thể, 01 nhãn hiệu tập thể, 04 kiểu dáng công nghiệp, 01 sáng chế, thanh lý hợp đồng 02 nhãn hiệu tập thể. Tổng kinh phí hỗ trợ là 39.600.000 đồng. Ngoài hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ SHCN, Sở KH&CN tham mưu đề xuất UBND Tỉnh cho phép Hợp

tác xã Nông sản an toàn Kiến An - Chợ Mới sử dụng địa danh Kiến An - Chợ Mới, Hợp tác xã sản xuất rau an toàn Bình Thạnh sử dụng địa danh Bình Thạnh, Hợp tác xã trái cây GAP Chợ Mới sử dụng địa danh Chợ Mới An Giang và Hội Nông dân thị trấn Phú Mỹ sử dụng địa danh Phú Mỹ để đăng ký nhãn hiệu tập thể.

- Về hỗ trợ khai thác, quản lý, phát triển quyền SHCN

Thời gian thực hiện tương đối ngắn nên Chương trình chưa nhận được hồ sơ hỗ trợ xây dựng, khai thác, phát triển TSTT cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm của làng nghề, sản phẩm có tiềm năng của tỉnh hay sản phẩm của tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền SHCN. Tuy nhiên, hoạt động hỗ trợ khai thác, quản lý và phát triển quyền SHCN của sản phẩm chủ lực, sản phẩm làng nghề của tỉnh, sản phẩm đặc thù và các sản phẩm có tiềm năng được lồng ghép trong nhiệm vụ triển khai kế hoạch xây dựng và phát triển cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh thông qua hình thức Nhãn hiệu chứng nhận An Giang, nhằm tạo lập thương hiệu mạnh cho các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các sản phẩm chế biến từ nông sản NNCNC. Đến nay đã trao quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho 37 cơ sở, doanh nghiệp với các sản phẩm như: dưa lưới, tai nấm linh chi (quả thể), xoài, ổi, dưa lưới, cà chua bi, lươn đồng, trà túi lọc chùm ngây, rượu vang thốt nốt, trà túi lọc đinh lăng, trà Atiso đỏ, atiso đỏ sấy dẻo, trà xạ đen, lúa, gạo an toàn, nước mắm 30°N, 40°N, trái cây sấy khô, khô cá lóc, lạp xưởng bò,...

Tham gia trưng bày sản phẩm Nhãn hiệu chứng nhận An Giang tại hội thảo khởi nghiệp ĐMST tổ chức tại thành phố Long Xuyên, Hội chợ Quốc tế Tịnh Biên - An Giang và Hội chợ Thương mại quốc tế An Phú - An Giang.



Trung bày các sản phẩm được trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang

- Về hỗ trợ tổ chức, cá nhân có sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, tác giả tham gia đạt giải Hội thi sáng tạo kỹ thuật trong tỉnh

Phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, và sở, ban, ngành liên quan tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XI (năm 2018 - 2019) và lần thứ XII (2020 - 2021). Kết quả Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XI, năm 2018 - 2019 có 86 giải pháp/đề tài tham gia dự thi, kết quả có: 01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 05 giải Ba và 15 giải Khuyến khích.

Ngoài ra, phối hợp Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tổ chức hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng và Hội thi sáng tạo kỹ thuật nhằm đẩy mạnh ĐMST và khởi nghiệp tỉnh An Giang”, Hội thảo nhằm tìm giải pháp để triển khai và tổ chức thực hiện ngày càng sâu rộng và tốt hơn để thúc đẩy khuyến khích phong trào lao động, sáng tạo của tất cả đối tượng từ học sinh, sinh viên, người lao động trong tổ chức, doanh nghiệp cho đến tác giả là nhà khoa học trên địa bàn tỉnh.

- Về hỗ trợ triển khai hoạt động bảo vệ, thực thi quyền SHTT

Bình quân mỗi năm, Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp hướng dẫn khoảng 02 - 03 cơ sở, doanh nghiệp về biện pháp ngăn chặn hành vi xâm phạm hay tương tự với các đối tượng SHCN được bảo hộ, chủ yếu nhãn hiệu và

kiểu dáng công nghiệp. Phối hợp Cục SHTT tổ chức 01 lớp tập huấn về “Thực thi quyền SHTT” nhằm nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức thực thi quyền SHTT thuộc cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm soát nhân dân, Quản lý thị trường, sở, ban ngành, UBND, Phòng Kinh tế, Kinh tế - Hạ tầng huyện, thị, thành phố cùng một số tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh nhận thức được ý nghĩa của việc thực thi và bảo vệ quyền SHTT để tránh tình trạng xâm phạm quyền và cạnh tranh không lành mạnh trên địa bàn tỉnh.

Qua đó, để tiếp tục tăng cường nhận thức vai trò của SHTT đối với sự phát triển kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của tỉnh,... Trong thời gian tới, Sở KH&CN sẽ tham mưu UBND tỉnh tiếp tục triển khai Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang với các nội dung sau: ⁽¹⁾Hỗ trợ tra cứu, tư vấn, hướng dẫn thủ tục; cung cấp thông tin phục vụ hoạt động đăng ký xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển giá trị tài sản trí tuệ; ⁽²⁾Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách pháp luật SHTT qua các hình thức: đào tạo, tập huấn, hội thảo, tọa đàm; tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng về SHTT cho tổ chức, cá nhân, cán bộ cơ quan quản lý nhà nước, trường đại học; ⁽³⁾Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở trong và ngoài nước; ⁽⁴⁾Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ, xây dựng, triển khai hệ thống quản lý, khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); ⁽⁵⁾Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ quyền SHTT, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép các đối tượng SHTT. Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin, nâng cao năng lực cho hệ thống cơ quan thực thi quyền SHTT; ⁽⁶⁾Khai thác thông tin về SHTT phục vụ nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh,.../.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH LÚA GẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU GẠO AN GIANG

ThS. Đỗ Thanh Tùng

Sở Công thương tỉnh An Giang

An Giang là một trong 4 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá lợi thế và tiềm năng phát triển kinh tế, nông nghiệp được xác định là nền tảng cho phát triển kinh tế, ổn định xã hội; là một trong hai mũi nhọn kinh tế của tỉnh An Giang.

Tổng diện tích gieo trồng lúa tại An Giang hàng năm trên 600.000 ha (bao gồm cả 3 mùa vụ: Đông Xuân, Hè Thu và Thu Đông), với sản lượng đạt được trên 4 triệu tấn/năm. Có 18 doanh nghiệp được Bộ Công Thương cấp phép chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo, có sức chứa đạt: 439.800 tấn lúa và 484.200 tấn gạo; công suất xay xát đạt 503 tấn lúa/giờ và công suất xát trắng đạt 580 tấn gạo/giờ và có tổng cộng 33 nhà máy, kho chứa trên địa bàn tỉnh. Xuất khẩu gạo qua 39 nước, trong đó Châu Á chiếm 85,8%, Châu Phi 10,82%, còn lại là các châu lục khác. Các quốc gia nhập khẩu gạo nhiều nhất của tỉnh là Trung Quốc, Philippin và Ghana.

- Về các mô hình trong hợp tác, liên kết sản xuất - kinh doanh lúa gạo đạt trung bình từ 4-7% tổng diện tích xuống giống. Trong đó, có doanh nghiệp đi đầu trong liên kết với nông dân, áp dụng Tiêu chuẩn SRP (Sustainable Rice Platform – nền tảng lúa bền vững). Tiêu chuẩn SRP được Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UN Environment) và Viện nghiên cứu



Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để giảm lượng giống gieo sạ

Lúa gạo Quốc tế (IRRI) đồng sáng lập, bao gồm 41 tiêu chuẩn đánh giá 8 lĩnh vực liên quan của sản xuất lúa gạo như: Sử dụng nước, chuẩn bị xuống giống, thu hoạch và sau thu hoạch, quản lý đồng ruộng, quản lý sâu bệnh, quản lý dinh dưỡng, quyền của người lao động, sức khỏe và an toàn lao động. Tiêu chuẩn SRP được đo lường theo chỉ số từ 1 -100.

Định hướng xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang

Để có thể từng bước nâng giá trị xuất khẩu gạo cũng như đẩy mạnh tiêu thụ nội địa các dòng sản phẩm gạo gắn với thương hiệu An Giang. Sở Công Thương được UBND tỉnh giao phối hợp với các Sở ngành có liên quan và các doanh nghiệp trong tỉnh cùng tham gia xây dựng Đề án “Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang”, trong đó, gạo mang

(xem tiếp trang 12)

BẢO HỘ GIỐNG CÂY TRỒNG QUYỀN LỢI CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Nguyễn Bảo Lâm

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN An Giang

Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), việc tạo ra giống cây trồng mới với năng suất và chất lượng cải thiện hơn là một nhiệm vụ quan trọng đảm bảo an ninh lương thực trong bối cảnh gia tăng dân số và biến đổi khí hậu như hiện nay. Giống cây trồng mới không chỉ giúp chúng ta có nhiều sự lựa chọn cho các sản phẩm nông nghiệp sạch, ngon và bổ dưỡng mà còn giúp bà con nông dân tăng thêm thu nhập. Các giống cây trồng mới cũng góp phần phát triển nông nghiệp đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sống đô thị thông qua việc trồng các giống cây xanh, cây cảnh.

Hưởng ứng ngày Sở hữu trí tuệ Thế giới năm 2021, WIPO đã nêu bật vai trò của quyền sở hữu trí tuệ trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng trở nên mạnh mẽ, cạnh tranh hơn thông qua các công cụ bảo hộ. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, cụ thể là các sản phẩm nông nghiệp, WIPO nêu lên 05 lợi ích mà hệ thống *Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng (UPOV)* mang cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc bảo hộ giống cây trồng:

1. Hệ thống UPOV giúp doanh nghiệp gia nhập vào lĩnh vực lai tạo: Quyền “ngoại lệ” đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, theo đó, khi tham gia vào lĩnh vực này, các nhà lai tạo giống được phép sử dụng các giống đã được bảo hộ để phục vụ công tác lai tạo, điều này giúp giảm thiểu vấn đề về “rào cản gia nhập” đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ nếu họ muốn tham gia vào lĩnh vực kinh doanh giống cây trồng.

2. Đây là một hệ thống ứng dụng đơn giản và có tính hài hòa: UPOV đã phát triển các biểu mẫu ứng dụng hình mẫu, qua đó, thông tin đăng ký bảo hộ giống cây trồng rất dễ dàng cho

các thành viên của UPOV. Bên cạnh đó, thông qua ứng dụng trực tuyến UPOV PRISMA, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể nộp đơn đăng ký trực tiếp đến các cơ quan/văn phòng bảo hộ giống cây trồng tại các quốc gia thành viên của UPOV. Các thủ tục liên quan đến bảo hộ giống cây trồng đã được tích hợp sẽ rất thuận tiện cho các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm; doanh nghiệp cũng có thể đọc các thủ tục đăng ký bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau và công cụ hỗ trợ dịch thuật trong việc điền mẫu thông tin.

3. Tiết kiệm chi phí trong việc kiểm tra nguồn giống: UPOV đã được mức độ hài hòa cao trong việc kiểm tra hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cây trồng. Việc này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi trong phối hợp xử lý mà còn tiết kiệm thời gian, chi phí cho người nộp hồ sơ.

4. Cơ hội được cấp phép: Được bảo hộ giống cây trồng có nghĩa là các nhà lai tạo giống cây có thể sử dụng quyền đó để hoạch định chiến lược cho việc sản xuất, thương mại các giống cây của họ kể cả trong nước và trên toàn thế giới.

5. Hợp tác nghiên cứu, sản xuất: Các nhà nghiên cứu lai tạo giống cũng có thể hợp tác

vì một mục tiêu chung thông qua bảo hộ giống cây trồng. Ví dụ, một nhà lai tạo giống cây có thể có đủ kiến thức, kỹ năng và là một chuyên gia trong việc nghiên cứu lai tạo tuy nhiên lại không có cơ sở vật chất và kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và thương mại, người này có thể tham gia vào các hội, hiệp hội để được hỗ trợ tài chính và đưa sản phẩm đến thị trường. Quyền sở hữu khi đó có thể được chia sẻ theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng đối tác.

Để nhân giống cây trồng thành công đòi hỏi phải có kiến thức, kỹ năng và tay nghề rất cao; quá trình nghiên cứu lai tạo, tuyển chọn và đưa một giống cây ra thị trường có thể mất đến hơn 15 năm. Mặt khác, không phải giống cây mới nào cũng đều thành công dù chúng có thể là những cá thể ưu nhất và triển vọng nhất được chọn lựa từ hàng ngàn cá thể lai tạo. Vì vậy, những nỗ lực đó chỉ thật sự có ý nghĩa và đáng giá khi được đầu tư và phát triển. Đó cũng là lý do vì sao bảo hộ giống cây trồng là một hệ thống công cụ quan trọng đối với các nhà nghiên cứu lai tạo. Theo đó, UPOV được đặc biệt tạo ra hướng đến các vấn đề cụ thể trong việc lai tạo giống cây trồng.

UPOV đến nay đã có hơn 4.000 giống cây trồng mới được bảo hộ, giúp đa dạng trong tuyển chọn giống cây trồng cả về loại được bảo hộ và cơ sở dữ liệu các nhà lai tạo giống, phần lớn là các doanh nghiệp nhỏ và vừa như các cá nhân, nông dân, nhà nghiên cứu, các viện nghiên cứu công lập và doanh nghiệp tư nhân.

Việt Nam gia nhập UPOV vào năm 2006. Trước khi gia nhập UPOV, gần như 100% việc nhân giống của Việt Nam nằm trong khu vực công. Nhờ tham gia UPOV, thị trường giống cây trồng đã và đang trở nên sôi động hơn, nhiều giống cây trồng cũng được nâng cao chất lượng, tạo ra khả năng cạnh tranh giữa



Giống lúa OM5451, một trong các giống lúa OM của Viện lúa ĐBSCL đã đăng ký bảo hộ

các doanh nghiệp. Việc đăng ký quyền bảo hộ giống cây trồng đang có sự chuyển động khá tích cực, số đơn đăng ký bảo hộ tăng dần qua từng năm. Theo Văn phòng Bảo hộ giống cây trồng (Cục Trồng trọt), năm 2017, Văn phòng nhận 266 đơn đăng ký bảo hộ, so với những năm trước chỉ trung bình ở mức hơn 100 đơn, thậm chí trước đó chỉ khoảng vài chục đơn. Trong 6 tháng đầu năm 2019, số đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng, cây ăn quả cũng tăng nhiều so cùng kỳ¹. Tính đến năm 2019, có 609 đơn đăng ký bảo hộ từ các công ty, 421 đơn đăng ký bảo hộ từ các viện nghiên cứu và 39 đơn của các trường đại học đăng ký bảo hộ, trong đó hơn 1.400 bằng đã được cấp².

Mặc dù vậy, công tác bảo hộ giống tại Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Theo Giáo sư, Viện sĩ Trần Đình Long (Chủ tịch Hội Giống cây trồng Việt Nam), do công tác bảo hộ bản quyền giống cây trồng chưa được chú trọng đúng mức nên nhiều giống cây trồng của Việt Nam đã bị rơi vào tay nước khác³. Phải có những thay đổi mạnh mẽ trong khâu quản lý, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, đăng ký bản quyền, đổi mới xây dựng thương hiệu. Bên cạnh đó, cần thúc đẩy xây dựng một ngân hàng gen quốc gia. Theo GS.TS Võ Tòng Xuân, một trong những giải pháp tốt nhất hiện nay để giải quyết vấn đề về

bảo hộ giống cây trồng là xây dựng mối liên kết 4 nhà: Nông dân - doanh nghiệp - nhà khoa học và nhà nước, nhất là 2 nhà: Doanh nghiệp với nông dân nếu doanh nghiệp và nông dân làm đúng quy trình sản xuất sẽ cho ra sản phẩm nông nghiệp tốt, rồi xây dựng thương hiệu và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nông sản tránh việc bị đánh cắp⁴.

Nhìn nhận những khó khăn, hạn chế trong thực thi quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ nói chung và bảo vệ giống cây trồng nói riêng. Ngày 12/01/2021, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) tổ chức Hội thảo tham vấn về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Tham dự hội thảo có hơn 100 đại biểu đến từ các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ, các viện nghiên cứu, trường đại học, các hiệp hội, doanh nghiệp... Thứ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ Phạm Công Tạc cho biết: sự khác biệt giữa các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam với quốc tế, kết hợp với những tồn tại trong quá trình xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay đã dẫn đến việc sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ lần thứ ba - cũng là lần sửa đổi lớn nhất kể từ khi ban hành năm 2005, với mục tiêu tạo điều kiện cho chúng ta tham gia các sân chơi chung trên thế giới với các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như CPTPP, EVFTA, RCEP) và phát triển sức sáng tạo của quốc gia, tạo ra động lực phát triển cho xã hội. Dự thảo sửa đổi hướng đến việc giới hạn số lượng hành vi xâm phạm quyền SHTT, ít áp dụng biện pháp hành chính hơn, nhằm chuyển hướng áp dụng biện pháp dân sự. Định hướng chính là phát triển hệ thống tư pháp, giúp giải quyết được vấn đề thực thi hành chính và rất nhiều vấn đề khác liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ./.

Ghi chú:

¹<https://nongnghiep.vn/van-nan-xam-pham-ban-quyen-giong-trai-cay-dung-de-nuoc-den-chan-moi-nhay-d249387.html>

²<http://v.vaas.org.vn/nang-cao-nhan-thuc-ve-bao-ho-giong-cay-trong-c18425.htm>

³<https://danviet.vn/giat-minh-nhieu-giong-cay-trong-viet-nam-da-roi-vao-tay-nuoc-khac-7777905786.htm>

⁴<http://m.cand.com.vn/Thi-truong/De-thuong-hieu-nong-san-khong-bi-danh-cap-517792/>

(tiếp theo trang 9)

thương hiệu An Giang dự kiến được xây dựng trên cơ sở 4 chương trình cụ thể như sau:

- Chương trình giống: tập trung nghiên cứu chọn tạo bộ giống đặc thù cho tỉnh An Giang để hoàn thiện các quy trình sản xuất giống đến cấp xác nhận, phù hợp với điều kiện địa bàn tỉnh An Giang.

- Chương trình canh tác là cơ sở, tiêu chuẩn kỹ thuật để áp dụng cho các vùng nguyên liệu tham gia Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo An Giang; Quy trình kỹ thuật canh tác lúa đạt tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu.

- Chương trình chế biến là xây dựng một quy trình chế biến gạo đảm bảo các tiêu chuẩn chất

lượng trong nước lẫn quốc tế (từ nhà xưởng, kỹ thuật công nghệ, hệ thống máy móc, trang thiết bị, hệ thống quản lý chất lượng đến tiêu chuẩn sản phẩm, bao bì đóng gói...).

- Chương trình quảng bá - xúc tiến thương mại là cơ sở để đưa ngành hàng gạo An Giang đến với đông đảo người tiêu dùng, nhà phân phối, tiêu thụ trong và ngoài nước; xây dựng một chương trình quảng bá gạo thương hiệu An Giang đảm bảo các hoạt động quảng bá truyền thông đồng bộ, đầy đủ các kênh truyền thông để có mức độ nhận diện thương hiệu tốt nhất nhằm thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia Đề án xây dựng thương hiệu gạo An Giang đạt hiệu quả cao./.

SỞ KH&CN AN GIANG:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 120/NQ-CP NGÀY 17/11/2017 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Phạm Hiếu Trinh

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Ngày 17/11/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu. Sau hơn 03 năm triển khai thực hiện, Sở KH&CN An Giang đã đạt được một số kết quả như sau:

1. Kết quả thực hiện

1.1. Về hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN

Đến tháng 12/2020, Sở KH&CN đã tổ chức nghiệm thu 04 nhiệm vụ KH&CN phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), cụ thể:

- Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro về lũ, hạn, mặn trong sản xuất nông nghiệp tỉnh An Giang”: xây dựng bộ cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn tại tỉnh An Giang giai đoạn 1986 - 2016, dữ liệu khí hậu toàn cầu, bộ cơ sở dữ liệu bản đồ, khu vực ngập, xâm nhập mặn, phân bố chỉ số hạn. Xây dựng phần mềm “Hệ thống cảnh báo rủi ro lũ, hạn, mặn ở An Giang” tích hợp kết quả mô hình hóa, quản lý dữ liệu, thông tin và cảnh báo sớm tình hình thời tiết bất lợi và rủi ro trong sản xuất nông nghiệp. Bản tin mẫu của cảnh báo khí tượng nông nghiệp tại An Giang được tích hợp vào phần mềm.

- Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh thích ứng BĐKH”:

xây dựng thành công mô hình nuôi tôm càng xanh thích ứng BĐKH cho vùng nuôi tôm càng xanh ở huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang với: năng suất tôm càng xanh > 1.5 tấn/ha/vụ; trọng lượng tôm bình quân đạt 20 con/kg khi thu hoạch sản phẩm; tỷ lệ tôm nhiễm bệnh thấp và tỷ lệ sống của tôm càng xanh thương phẩm $\geq 30\%$. Xây dựng 07 quy trình công nghệ ương và nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa hiệu quả, gắn với các giải pháp bảo quản, sơ chế, chế biến và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Nhiệm vụ “Áp dụng mô hình TELEMAR 3D để mô phỏng dòng chảy và vận chuyển trầm tích tại khu vực ngã ba sông Hậu và sông Vàm Nao (khu vực sạt lở xã Mỹ Hội Đông)”: Đã tổ chức Hội đồng nghiệm thu. Nhiệm vụ được gia hạn thêm thời gian thực hiện để hoàn thành thêm một số nội dung theo ý kiến Hội đồng. Hiện tại, nhiệm vụ đang hoàn chỉnh các nội dung còn lại chuẩn bị nộp hồ sơ nghiệm thu cấp tỉnh.

- Nhiệm vụ “Bảo tồn nguồn lợi thủy sản khu vực Búng Bình Thiên kết hợp phục vụ phát triển du lịch”: kết quả chất lượng nước tại Búng Bình Thiên nhìn chung nằm trong khoảng cho phép theo quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (QCVN 08-MT: 2015/BTNMT). Mặc dù vậy, các chỉ số về đa dạng sinh học của các loài phiêu sinh động - thực vật và động vật đáy



Khu vực Búng Bình Thiên, huyện An Phú, tỉnh An Giang

chưa đạt yêu cầu; Tốc độ bồi lắng trung bình dao động từ 1,5 - 2cm/năm nên có khả năng làm cho Búng Bình Thiên bị bồi lắng trong những năm tới; thành phần loài cá ở khu vực Búng Bình Thiên rất đa dạng (91 loài thuộc 23 họ, 9 bộ) và mùa mưa thành phần loài đa dạng hơn so với mùa khô. Hệ sinh thái khu vực Búng Bình Thiên rất phong phú và đóng vai trò rất quan trọng đến cuộc sống sinh hoạt và sinh kế của người dân địa phương.

- Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế xanh/sinh kế bền vững gắn với sinh thái môi trường tại các khu/cụm dân cư nông thôn tại An Giang trong điều kiện thích ứng với BĐKH”: xây dựng bản đồ gồm 10 tiểu vùng sinh thái tỉnh An Giang với các đặc điểm tự nhiên và hiện trạng sinh kế tương đối khác nhau; xây dựng bộ tiêu chí đề xuất, đánh giá mô hình kinh tế xanh/sinh kế bền vững gồm 05 chỉ tiêu (kinh tế, môi trường, xã hội, công nghệ và thể chế); xây dựng 03 mô hình mẫu về kinh tế xanh/sinh kế bền vững gắn với sinh thái môi trường tại các khu/cụm dân cư nông thôn tại An Giang và đề xuất bộ giải pháp gồm các nhóm giải pháp liên quan cải thiện chính sách,

áp dụng kỹ thuật và nâng cao năng lực quản lý.

- Thực hiện Chương trình Nghiên cứu phát triển bền vững các vùng sinh thái tỉnh An Giang trong điều kiện BĐKH giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của UBND tỉnh: Chương trình đã phối hợp với Trường Đại học An Giang điều tra, khảo sát, nghiên cứu đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và điều kiện phát triển KT - XH tỉnh An Giang, hệ thống phân vùng chức năng môi trường của 03 vùng sinh thái gồm: Lưu vực sông Tiền, sông Hậu; vùng Bảy Núi; vùng Tứ giác Long Xuyên; đã phân tích các điểm đặc trưng, chức năng môi trường chính và các vấn đề môi trường nổi cộm của từng tiểu vùng chức năng để từ đó đưa ra các định hướng sử dụng và bảo vệ môi trường cho mỗi tiểu vùng. Đồng thời, Chương trình đã thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng quản lý cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh. Qua đó đánh giá hiện trạng về trang thiết bị, nhân lực, sự kết nối thông tin quản lý khí tượng thủy văn của tỉnh còn hạn chế và đưa ra đề xuất đối với số lượng trang thiết bị cần thiết, mô hình liên kết quản lý số liệu giữa các cơ quan

đơn vị thuộc ngành khí tượng, thủy văn trong thời gian tới để phục vụ tốt hơn cho công tác dự báo, quan trắc trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án Ứng dụng hệ thống điện mặt trời vào hoạt động của trụ sở Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

1.2. Thực hiện Đề án tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, NNCNC, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch

Triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, Sở KH&CN tiếp tục tổ chức thực hiện 26 nhiệm vụ KH&CN phục vụ phát triển NNCNC (12 nhiệm vụ cấp tỉnh, 14 nhiệm vụ cấp cơ sở). Các nhiệm vụ được triển khai nhằm tăng cường ứng dụng các mô hình dịch vụ và công nghệ sản xuất liên quan đến cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp giúp giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào, giảm thất thoát sau thu hoạch, giảm sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh hóa học, giảm chi phí sản xuất và tạo sản phẩm an toàn, chất lượng, hiệu quả hơn; nghiên cứu chuỗi giá trị các mặt hàng nông sản của tỉnh như rau màu, thủy sản nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp nâng cao tỷ suất lợi nhuận của người nông dân khi tham gia vào chuỗi giá trị; cải tiến các quy trình kỹ thuật nhân giống, nuôi trồng một số loài thủy sản như cá trê, cá rô phi nhằm nâng cao

năng suất, cải thiện thu nhập cho người dân.

1.3. Xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý một số sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh An Giang

- Thực hiện Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2020: Sở KH&CN đã hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ 07 nhãn hiệu và 01 kiểu dáng công nghiệp, tổng số tiền hỗ trợ là 8.400.000 đồng.

- Thực hiện Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch xây dựng nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2030:

Sở KH&CN đã lắp đặt 04 pano quảng bá NHCN An Giang tại 04 địa điểm trên địa bàn tỉnh: ⁽¹⁾Công viên Mỹ Thới (thành phố Long Xuyên), ⁽²⁾thị trấn An Châu (huyện Châu Thành), ⁽³⁾ngã 3 Cự Hội (huyện Chợ Mới) và ⁽⁴⁾trên tuyến đường tránh (thành phố Châu Đốc); Phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND huyện, thị và thành phố tổ chức tuyên truyền, vận động giới thiệu sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận An Giang. Kết quả đã tuyên truyền vận động 57 cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tiếp nhận, thẩm định và ban hành 37 Quyết định về việc trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang và cấp 71.000 tem nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho 14 cơ sở đã được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

Đồng thời, Sở KH&CN đã gửi sổ tay và áp phích Nhãn hiệu chứng nhận An Giang đến các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, thành phố và đơn vị liên quan trong tỉnh hỗ trợ tuyên

truyền về nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

1.4. Xây dựng và phát triển thương hiệu của tỉnh trong ngành hàng thực phẩm Việt Nam

Triển khai Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí Chương trình Phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030: Sở KH&CN đã tổ chức đoàn làm việc với UBND huyện, thị, thành phố và khảo sát sản phẩm nông nghiệp thực hiện Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2026 và định hướng đến năm 2030 tại 04 huyện Châu Phú, Phú Tân, Chợ Mới, Tri Tôn và thành phố Châu Đốc.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

Hoạt động về KH&CN, xây dựng nhãn hiệu và phát triển thương hiệu đã nhận được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh và sự phối hợp thực hiện của các cơ quan liên quan. Việc tham gia đề xuất các ý tưởng, tham gia thực hiện, cố vấn thực hiện nhiệm vụ KH&CN được các nhà khoa học, các chuyên gia nhiệt tình ủng hộ. Ngoài ra, các nhiệm vụ KH&CN về thích ứng biến đổi khí hậu thực hiện trong thời gian qua đều có tính cấp thiết cao, góp phần xây dựng chiến lược phát triển KT - XH thích ứng với BĐKH.

2.2. Khó khăn

Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và đơn vị liên quan sau khi nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt chưa sâu sát nên hiệu quả thực hiện đôi khi chưa đạt yêu cầu, đặc biệt đối với

việc chuyển giao, ứng dụng và nhân rộng mô hình từ các kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó, kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động KH&CN còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

3. Phương hướng hoạt động năm 2021

Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển giao kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu đến sở, ban, ngành, cơ sở, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng và nhân rộng.

Tiếp tục thông báo và tuyển chọn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có liên quan đến lĩnh vực thích ứng với BĐKH để triển khai trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch xây dựng NHCN An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2030.

Tham mưu UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2026 và định hướng đến năm 2030.

Tăng cường tạo lập mối liên kết thường xuyên giữa nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN gắn với nhiệm vụ thích ứng với BĐKH. Hình thành và phát triển nhãn hiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh nhằm tăng khả năng cạnh tranh các sản phẩm trên thị trường.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tranh thủ các nguồn lực từ nước ngoài, là một trong những nguồn hỗ trợ rất hiệu quả cho cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển./.

THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG: HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Phòng Quản lý Chuyên ngành
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

1. Vai trò của thị trường KH&CN

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường công nghệ đã đóng góp tích cực trong việc tăng cường hàm lượng KH&CN đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh, góp phần nâng cao giá trị của sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương. Bên cạnh đó, trong thời gian qua hoạt động KH&CN cũng đóng góp rất tích cực trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; góp phần xây dựng và định hướng phát triển đời sống tinh thần của nhân dân, ổn định và phát triển KT - XH tỉnh An Giang.

Thị trường KH&CN đã từng bước chứng minh được vai trò quan trọng phát triển KT - XH trên tất cả các lĩnh vực. Hiệu quả hoạt động đã có nhiều chuyển biến, tiềm lực khoa học công nghệ được nâng lên, quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ có nhiều đổi mới.

2. Hiện trạng về thị trường KH&CN An Giang

2.1. Tình hình đổi mới công nghệ

Sự phát triển của thị trường công nghệ trên thế giới cũng như của cả nước, các công nghệ, thiết bị ngày càng hiện đại, đặc biệt trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ứng dụng công nghệ, thiết bị tự động, thông minh... để tiết kiệm thời gian, chi phí, tăng năng suất lao động và giá trị sản phẩm, lợi nhuận của các tổ chức sản xuất, kinh doanh là điều tất yếu.

Thực hiện phát triển thị trường KH&CN



Ứng dụng thiết bị gieo hạt lúa theo cụm

trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để thương mại hóa các sản phẩm KH&CN, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, tạo nền tảng pháp lý cho việc phát triển thị trường KH&CN, phù hợp với các cam kết quốc tế khi Việt Nam tham gia hội nhập. Đó là Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Công nghệ cao...

Theo đó, tỉnh An Giang đã triển khai nhiều chính sách thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN, cụ thể: ⁽¹⁾Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 về Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020; ⁽²⁾Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 567/QĐ-UBND)...



Tham dự sự kiện kết nối cộng - cầu công nghệ

Các chính sách đã hỗ trợ cho hoạt động KH&CN theo cơ chế thị trường, thông tin phổ biến rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm KH&CN; khuyến khích gắn kết hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, phát triển quan hệ hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu; khuyến khích các hoạt động tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ... Đặc biệt là thị trường KH&CN đã thúc đẩy việc đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu ứng dụng, sàn giao dịch công nghệ... để góp phần nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển của thế giới, hỗ trợ phát triển kinh tế của địa phương.

2.2. Các tổ chức KH&CN

Về nguồn nhân lực KH&CN tỉnh An Giang gồm 49 tổ chức KH&CN; 54 tổ chức ứng dụng thực hiện các dự án ứng dụng, đổi mới công nghệ...; 02 doanh nghiệp KH&CN (Doanh nghiệp tư nhân Năm Nhã, Công ty Cổ phần cá tra Việt Úc); 02 cơ sở ươm tạo CNC, ươm tạo doanh nghiệp CNC (Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang và Trung tâm Ứng dụng tiến

bộ KH&CN An Giang). Từ năm 2016 đến nay, Sở KH&CN đã hỗ trợ thực hiện 44 dự án thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, ứng dụng đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí 108,59 tỷ đồng, trong đó, nguồn sự nghiệp KH&CN hỗ trợ 16,56 tỷ đồng (chiếm 15,25 %), các nguồn khác đóng góp hơn 92 tỷ đồng (hơn 84%). Các kết quả đạt được nêu trên đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất; thúc đẩy việc tăng cường hàm lượng KH&CN trong các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong hội nhập quốc tế.

2.3. Sàn Giao dịch KH&CN

Sàn giao dịch công nghệ An Giang (www.atte.vn/) đã được hình thành nhằm tạo nên các mối quan hệ đối tác công nghệ; tạo sự liên kết hữu cơ giữa nghiên cứu, ứng dụng các kết quả KH&CN, thương mại hóa sản phẩm KH&CN; tạo môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao sức sản xuất và cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần vào sự phát triển KT - XH tỉnh An Giang. Theo đó, Sàn giao dịch công nghệ An Giang đang dần hoạt động ổn định, cập nhật bổ sung thông tin liên tục. Đến nay Sàn giao dịch công nghệ An Giang cập nhật 840 sản phẩm về công nghệ mới, với 32 thành viên tham gia, 62 cá nhân, tổ chức liên hệ tìm kiếm công nghệ (kết nối thành công 09 giao dịch thiết bị công nghệ).

Bên cạnh đó, đơn vị đã tổ chức 20 buổi hội thảo giới thiệu thiết bị công nghệ về ứng dụng năng lượng tái tạo, thiết bị tiết kiệm năng lượng, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong

sản xuất nông nghiệp, về các kết quả nghiên cứu và định hướng phát triển dược liệu của tỉnh, về sản xuất nông nghiệp bền vững, về ứng dụng CNSH trong sản xuất phân hữu cơ vi sinh,... tại các huyện, thị và thành phố trên địa bàn tỉnh với 733 đại biểu tham dự; 12 Phiên kết nối cung cầu giới thiệu sản phẩm thành tựu KH&CN với 860 đại biểu tham dự.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình phát triển, thị trường KH&CN tỉnh An Giang còn nhiều hạn chế:

Thứ nhất, cơ chế quản lý kinh tế hiện nay chưa thực sự tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động KH&CN nói chung và chuyển giao công nghệ nói riêng. Các chính sách, cơ chế ưu đãi về kinh tế thường xuyên thay đổi, còn chông chéo, khó tiếp cận làm giảm hiệu quả thực thi các chính sách và chưa tạo ra động lực để thúc đẩy hoạt động KH&CN.

Thứ hai, hoạt động của các tổ chức KH&CN còn chưa sôi nổi, năng lực sáng tạo, phát triển công nghệ còn hạn chế, chưa có khả năng tạo ra được những công nghệ cần thiết để thực sự trở thành nền tảng và động lực cho tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các hoạt động nghiên cứu đã triển khai tuy đã đạt được bước tiến đáng kể trong thời gian gần đây nhưng chất lượng vẫn còn ở mức khiêm tốn, khả năng ứng dụng vào thực tế chưa cao.

Thứ ba, hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp còn nhỏ lẻ, thiếu quy hoạch và chiến lược, thiếu sự gắn bó và phối hợp giữa phương hướng đổi mới, chuyển giao, đầu tư đổi mới công nghệ với chiến lược phát triển và kinh doanh.

Thứ tư, tình trạng vi phạm quyền SHCN còn xảy ra dẫn đến sự cạnh tranh không lành

manh, rất khó kiểm soát, xảy ra nhiều tranh chấp quyền lợi về kinh tế, xung đột giữa các nhà sản xuất, kinh doanh gây thiệt hại không nhỏ cho các bên liên quan gây mất lòng tin của người tiêu dùng.

Nguyên nhân:

Cơ chế chính sách đã có nhưng tính thực thi chưa cao như: chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào hoạt động KH&CN; chính sách trọng dụng đãi ngộ các nhà khoa học; chính sách khoán về thanh quyết toán trong nghiên cứu khoa học còn nhiều bất cập; chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân áp dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học vào mô hình thực nghiệm, nhân rộng kết quả vào thực tiễn cuộc sống nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển; chính sách khuyến khích phát triển hệ thống nghiên cứu triển khai trong doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế chưa thu hút được sự tham gia của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Giải pháp phát triển thị trường KH&CN tỉnh trong thời gian tới

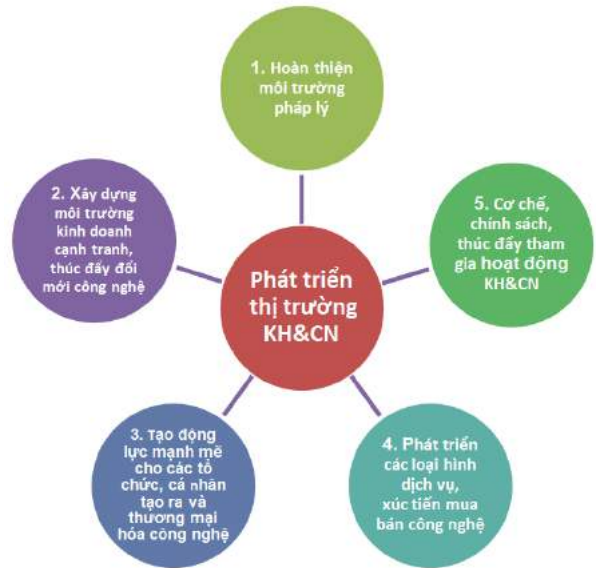
Một là, tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý cho phát triển thị trường công nghệ. Cập nhật và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo và chuyển giao công nghệ, đảm bảo nhà sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng. Tăng cường nâng cao nhận thức về phát triển thị trường KH&CN cho các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN và ngành có liên quan.

Hai là, xây dựng môi trường kinh doanh mang tính cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới công nghệ, tạo thuận lợi và động lực cho các tổ

chức, cá nhân tham gia đầu tư đổi mới công nghệ. Đặc biệt, khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập các quỹ phát triển KH&CN để chủ động thực hiện nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp và nông dân để phát triển, ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật tiên bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ba là, tạo động lực mạnh mẽ cho các tổ chức, cá nhân tạo ra và thương mại hóa công nghệ có giá trị thực tiễn. Quy định rõ ràng trách nhiệm đối với các cơ quan chuyển giao và nhận chuyển giao đối với kết quả nghiên cứu phục vụ công ích; có chế độ khen thưởng thoả đáng đối với tổ chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu được ứng dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả KT - XH cao. Đổi mới phương thức xác định nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước theo hướng gắn với việc hình thành nhiệm vụ KH&CN với nhu cầu thực tiễn, với thị trường.

Bốn là, phát triển các loại hình dịch vụ, xúc tiến mua bán công nghệ. Hình thành và phát triển các tổ chức xúc tiến mua bán công nghệ. Tiếp tục đẩy mạnh tổ chức chợ công nghệ, thiết bị định kỳ; tăng cường sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn; đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tổ chức công nghệ - thiết bị, trung tâm giao dịch công nghệ và dịch vụ thông tin công nghệ. Phát triển các dịch vụ tư vấn, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ. Nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng dịch vụ của các tổ chức tư vấn, giám định, thẩm định, đánh giá công nghệ của Nhà nước. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp hoạt động cung ứng dịch vụ pháp lý về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.



Giải pháp phát triển thị trường KH&CN tỉnh An Giang trong thời gian tới

Năm là, có cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đặt hàng với các tổ chức KH&CN tham gia đề xuất, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập để phát huy tính năng động của các tổ chức này trong nền kinh tế thị trường. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh và Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp,...

Trong giai đoạn tới, việc phát triển thị trường KH&CN nhằm đáp ứng có hiệu quả nhu cầu chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các công nghệ mới, thiết bị tiên tiến vào sản xuất là hết sức cần thiết, đặc biệt, phát triển nhanh và bền vững sẽ tạo được nhiều thành quả trong quá trình chuyển hóa các kết quả KH&CN nhằm thúc đẩy toàn diện sự phát triển KT - XH của tỉnh trong tương lai không xa./.

AN GIANG:

HIỆU ỨNG TÍCH CỰC TỪ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN

Tỉnh đoàn An Giang

Ngày nay, với sự phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật đã có nhiều lĩnh vực, mô hình kinh doanh mới ra đời làm đa dạng hóa các phương thức cạnh tranh trong thị trường. Nền kinh tế Việt Nam đã và đang theo đuổi tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, bởi đó là một yếu tố tất yếu cho sự phát triển của một quốc gia. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phần nào trở thành động lực phát triển cho nhiều vùng, quốc gia, lãnh thổ; từng bước tiến vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Đây không chỉ là thách thức to lớn mà cũng còn mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội.

Trong 05 năm trở lại đây, chúng ta thường xuyên bắt gặp những bài viết, những chương trình với những từ khóa về lập nghiệp và khởi nghiệp trên nhiều diễn đàn. Bởi khởi nghiệp đã trở thành định hướng phát triển trong thời gian tới của Việt Nam nói chung, An Giang nói riêng. Từ năm 2017, hàng loạt chính sách được ban hành từ Trung ương, cụ thể: Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 về việc phê duyệt đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”; Quyết định 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”; Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đối với lực lượng đoàn viên thanh niên từ trung ương đến địa phương đã triển khai hiệu quả các chương trình khởi nghiệp, chung



Chung kết cuộc thi “ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang” lần thứ III năm 2019

tay thực hiện kế hoạch “Hỗ trợ thanh niên nông thôn khởi nghiệp năm 2018”; xây dựng cổng thông tin “Ngân hàng ý tưởng sáng tạo thanh niên Việt Nam” do Trung ương Đoàn phát động.

Tại An Giang, từ những chủ trương của Trung ương, Đảng bộ tỉnh An Giang đã xây dựng và ban hành những chính sách chi tiết, cụ thể, xác định các nhóm chỉ tiêu kinh tế trọng yếu của tỉnh; điển hình là Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2025; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 17/1/2018 về việc thực hiện Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025. Bên cạnh đó, tháng 7/2017, Tỉnh ủy An Giang đã mạnh dạn phê duyệt đề án thành lập Trung tâm Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tỉnh An Giang, với niềm tin sẽ cải thiện được nhận thức về khởi nghiệp kinh doanh của đoàn viên thanh niên - lực lượng

lao động nông cốt của xã hội, góp phần tạo nên những bước chuyển mình rõ rệt của tỉnh nhà trong công cuộc đổi mới, cải thiện đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, để theo đuổi mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước thì “khởi nghiệp” là chưa đủ, sản xuất kinh doanh thuần túy chưa mang lại hiệu quả mạnh mẽ cho nền kinh tế còn non trẻ của chúng ta. Chính vì vậy, để kịp thời thích ứng với những thành tựu về khoa học kỹ thuật thì đòi hỏi sự quyết tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh - đây chính là nguồn gốc của “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Tuổi trẻ An Giang những năm qua, đã nhận được sự ủng hộ về chủ trương, chính sách và chương trình, kế hoạch để thu hút và tập hợp đa dạng các nguồn lực từ đó góp phần thực hiện tốt vai trò tiên phong, xung kích trong triển khai các hoạt động khởi nghiệp. Tỉnh đoàn An Giang đã phối hợp Sở KH&CN xây dựng, cùng nhau thực hiện chương trình khởi nghiệp ĐMST giai đoạn 2017 - 2020, mang lại hiệu quả thiết thực, các hoạt động xoay vào trọng tâm: Tuyên truyền, phổ biến, kết nối các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh; xây dựng cộng đồng hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST của tỉnh; Tổ chức cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang” nhằm hỗ trợ, chăm chọn các ý tưởng, dự án khởi nghiệp xuất sắc, từ đó giới thiệu tham gia sự kiện khởi nghiệp vùng, quốc gia; Cung cấp kiến thức cần thiết về khởi nghiệp, khởi nghiệp ĐMST cho cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp; trang bị các kỹ năng thiết yếu cho cán bộ quản lý.

Một trong những thành tựu đáng tự hào của tuổi trẻ tỉnh nhà, chính là kết quả kết tinh từ các sản phẩm tham gia cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang”. Sản phẩm bước ra từ cuộc thi đến nay đã phát triển và có định hướng khá tốt, các Anh trẻ nắm bắt được nhu cầu thị trường, biết tận dụng lợi thế được hỗ trợ

từ những chính sách của tỉnh, chỉ số ít sản phẩm là thất bại vì một số nguyên nhân khách quan. Các dự án “Dưa lưới công nghệ cao” tại An Giang rất phát triển do nhận được sự tham vấn, hỗ trợ của các đơn vị chức năng, đặc biệt là sự gắn kết với thanh niên của đơn vị Sở KH&CN, địa bàn của sản phẩm dưa lưới hầu như đã trải rộng cả tỉnh và năng suất vừa đủ đáp ứng cho nhu cầu của thị trường; Ngoài ra, một số nông trại đã công bố đạt chuẩn VietGAP như nông trại dưa lưới của chị Hồ Thị Yến Vi (phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên) đây cũng chính là đề tài nghiên cứu khảo sát khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiêu biểu của tỉnh. Bên cạnh việc chọn lựa phát triển sản phẩm khởi nghiệp mang đặc trưng của địa phương, gần đây khi chúng ta nhắc đến lĩnh vực nông nghiệp thì sẽ gắn liền với cụm từ OCOP. Chương trình OCOP (Chương trình mỗi xã một sản phẩm) là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị; là nhóm giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Vì lẽ đó, khởi nghiệp theo định hướng sản phẩm OCOP sẽ giúp các chủ thể khởi nghiệp nói chung, thanh niên khởi nghiệp nói riêng có định hướng tốt nhất cho hành trình khởi nghiệp nông nghiệp. Trong giai đoạn tới đây, Ban thường vụ Tỉnh đoàn sẽ định hướng cho các sản phẩm khởi nghiệp của thanh niên đi theo chuẩn OCOP nhằm tạo nên chất lượng chung cho sản phẩm, đây còn là chuỗi giá trị thống nhất trong cả nước, dễ dàng đưa sản phẩm khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên An Giang tiếp cận được với người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

Việc phát triển sản phẩm khởi nghiệp theo tiêu chuẩn OCOP được định hướng gắn liền với quy trình ứng dụng công nghệ vào sản xuất để đảm bảo mục tiêu đổi mới sáng tạo, mặt khác có thể giúp tăng năng suất sản phẩm, cải thiện sự

đồng đều của các sản phẩm. Điển hình cho tư duy đổi mới sáng tạo trong sản xuất của các bạn trẻ thì phải nhắc đến các sản phẩm thủ công mỹ nghệ gỗ của anh Nguyễn Vũ Linh (Châu Phú), từ những ý tưởng ban đầu là sản phẩm từ tấm tre, qua thời gian thực hiện sản phẩm và bán ra thị trường, anh đã nhận ra rằng thủ công không đáp ứng được nhu cầu của thị trường ngày nay, lại mất nhiều thời gian, công sức. Vì thế, anh đã chuyển đổi nguyên liệu từ tấm tre sang nguyên liệu gỗ công nghiệp, chuyển đổi tư duy sản xuất sản phẩm từ thủ công sang máy móc thiết bị hiện đại (máy khắc laser, máy khắc CNC...) với những thay đổi tích cực ấy đã giúp sản phẩm của anh tăng được sản lượng, nhiều mẫu đa dạng, nhận được sự ủng hộ của người tiêu dùng. Tương tự với trường hợp của anh Nguyễn Vũ Linh thì một sản phẩm khác của anh Đặng Hoài Linh (Thoại Sơn) - Trà atiso đỏ, vùng nguyên liệu được trồng tại địa phương, ban đầu anh cũng chỉ sản xuất theo phương thức truyền thống và theo thời gian việc sản xuất này lại không thể đáp ứng hết nhu cầu của thị trường, anh Đặng Hoài Linh đầu tư máy sấy lạnh, máy đóng gói túi lọc để đổi mới, tạo nên nhiều mặt hàng cho sản phẩm trà của mình. Đến nay, cả hai bạn trẻ đã có hướng đi rất tốt cho các sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của mình,



Anh Đặng Hoài Linh tại lễ tôn vinh sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và cấp khu vực năm 2020

những tấm gương sáng cho lực lượng đoàn viên thanh niên noi theo.

“Tuổi trẻ là những khát khao, tuổi trẻ là những đam mê” - mọi giấc mơ luôn khởi nguồn từ tuổi trẻ - lứa tuổi của những hoài bão dám nghĩ, dám dẫn thân hành động. Đây còn là lực lượng tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Khởi nghiệp, lập nghiệp thuần túy đã qua, giai đoạn tiếp theo là cơ hội cho sự phát triển của công nghệ, khoa học kỹ thuật, người trẻ phải thay đổi tư duy và thích ứng nhanh với sự đổi mới, và việc đầu tiên là chúng ta hãy chuyển dần thói quen lao động cơ bắp sang vận động trí óc, sáng tạo kết tinh vào các sản phẩm của mình.

Tin rằng thời gian tới, các hoạt động khởi nghiệp, lập nghiệp của tuổi trẻ An Giang sẽ luôn được quan tâm, hỗ trợ và đồng hành với mong muốn thanh niên ổn định đời sống, phát triển kinh tế. Từ đó, thanh niên sẽ kiên định mục tiêu lý tưởng của mình góp phần vào sự phát triển KT - XH của tỉnh nhà./.



Anh Nguyễn Vũ Linh và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ gỗ đạt giải của mình

KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH:

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH LÚA - CÁ SẠCH TẠI TỈNH AN GIANG

Nguyễn Ngọc Mộng Kha

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Canh tác thâm canh hay độc canh lúa là một trong những tác nhân làm suy giảm, ảnh hưởng bất lợi đến môi trường. Nghiên cứu xây dựng mô hình lúa - cá sạch được xem là một trong những biện pháp canh tác để hạn chế ảnh hưởng xấu đến môi trường và gia tăng thu nhập. Chính vì vậy, ngày 09/5/2017, UBND tỉnh An Giang đã quyết định thực hiện Đề tài nghiên cứu KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu xây dựng mô hình lúa - cá sạch tại tỉnh An Giang” tại Quyết định số 1402/QĐ-UBND, Trường Đại học Cần Thơ là đơn vị chủ trì, TS. Nguyễn Duy Cần là chủ nhiệm.

Đề tài nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2020 tại 02 huyện Châu Phú và Thoại Sơn của tỉnh An Giang nhằm mục tiêu xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, xanh và sạch, giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường, đa dạng hóa mô hình và chuyển đổi hình thức canh tác đất nông nghiệp hiệu quả hơn. Đề tài đã sử dụng phương pháp phát triển kỹ thuật có sự tham gia trong tiến trình xác định và thực hiện các mô hình lúa - cá. Theo đó, một số kết quả nổi bật đạt được như sau:

- Kết quả đánh giá thực trạng, xu hướng phát triển mô hình lúa - cá ở An Giang: phân tích được sơ lược hiện trạng về diện tích, sản lượng, kỹ thuật canh tác, thị trường tiêu thụ, chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa của tỉnh An Giang nói chung và 02 huyện Châu Phú và Thoại Sơn nói riêng. Từ đó, phân tích SWOT 02 địa điểm này, đưa ra cây vấn đề và đề xuất giải pháp phát



Ruộng lúa thực hiện mô hình lúa - cá sạch tại huyện Thoại Sơn

triển mô hình lúa - cá thời gian tới.

- Kết quả lựa chọn và xây dựng mô hình lúa - cá: đã xây dựng được 02 mô hình, mỗi mô hình có 03 hộ nông dân tham gia với tổng diện tích mỗi mô hình là 03 ha: 01 mô hình xen canh 02 vụ lúa 01 vụ cá kết hợp cây ăn trái (lúa - cá - CAT) trong khu vực có đê bao kiểm soát lũ tại xã Ô Long Vĩ (huyện Châu Phú); 01 mô hình luân canh 02 vụ lúa theo sau là 01 vụ cá (lúa - cá) trong mùa lũ tại xã Định Thành (huyện Thoại Sơn). Cả 02 mô hình đều cho sản phẩm lúa và cá đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Kết quả phân tích so sánh 02 mô hình và với mô hình độc canh lúa cho thấy: mô hình lúa - cá - CAT có tỷ lệ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cho lúa có độ độc cao (nhóm độc 2) thấp hơn ở mô hình độc canh lúa (28% so với 39%). Nhờ nguồn thu thêm từ cây ăn trái và lợi nhuận từ lúa cao hơn nên lợi nhuận và thu nhập của mô hình lúa - cá - CAT có xu hướng

cao hơn mô hình lúa độc canh (lần lượt là 47% và 44%). Cá nuôi trong nghiên cứu này chưa mang lại lợi nhuận do tỷ lệ sống thấp và giá bán giảm thấp tại thời điểm thí nghiệm. Lợi nhuận sẽ tăng cao nếu giá bán của lúa và cá đạt tiêu chuẩn VietGAP được tăng lên và cải tiến năng suất cá để nâng cao lợi nhuận hơn nữa của mô hình lúa - cá - CAT.

Kết quả thử nghiệm mô hình lúa - cá ở xã Định Thành cho thấy lượng phân đạm sử dụng cho lúa trong mô hình lúa - cá thấp hơn so với ở mô hình lúa độc canh. Số lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong một vụ lúa ở mô hình thử nghiệm lúa - cá có xu hướng thấp hơn độc canh lúa. Đối với việc sử dụng thuốc trừ sâu theo độ độc hại, nông dân mô hình lúa - cá có xu hướng sử dụng các loại thuốc thuộc độc nhóm 4 (cần thận, ít độc), trong khi đó nông dân độc canh lúa sử dụng nhiều thuốc nhóm 3 và 4 (nguy hiểm, độc cao), ít thuốc nhóm 4. Đối với thuốc trừ bệnh, nông dân trong mô hình lúa-cá có xu hướng ít sử dụng thuốc thuộc nhóm 2, sử dụng nhiều ở nhóm 4 và 3; trong khi đó nông dân lúa độc canh sử dụng đều cả 3 nhóm thuốc 2, 3 và 4.

Năng suất lúa ở vụ Hè Thu năm 2018 và Đông Xuân năm 2018, 2019 không khác nhau giữa 2 mô hình ($p > 0,05$), nhưng năng suất lúa ở vụ Hè Thu năm 2019 của mô hình lúa - cá cao hơn mô hình độc canh lúa. Kết quả hạch toán từng phần cho thấy lợi nhuận và thu nhập từ lúa Hè Thu năm 2019 ở mô hình lúa - cá tăng lần lượt 37% và 26,7% so với mô hình độc canh lúa. Mức lợi nhuận và thu nhập từ lúa ở mô hình lúa - cá có thể tăng cao hơn nếu sản phẩm lúa được bán với giá lúa cao đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Hợp phần cá không có lợi nhuận do năng suất cá nuôi thấp, lũ bất thường, nước lũ về muộn và rút sớm nên thời gian nuôi cá rất ngắn (77 - 88 ngày). Mặc dù tổng thu nhập, lợi nhuận mang lại từ mô hình xen canh và luân canh lúa

- cá chưa cao như kỳ vọng nhưng kết quả thí nghiệm mang lại lợi ích về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, hướng đến canh tác lúa sinh thái, an toàn và đạt theo tiêu chuẩn VietGAP, có tiềm năng gắn kết với hoạt động phát triển du lịch của địa phương.

- Bên cạnh đó, kết quả đề tài cũng xây dựng được quy trình sản xuất lúa cá sạch: đã xây dựng được quy trình canh tác lúa, cá trong mô hình xen canh đạt chứng nhận VietGAP và quy trình luân canh lúa - cá - CAT theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Kết quả đề xuất giải pháp phát triển nhân rộng mô hình lúa - cá sạch: đề tài đã phân tích SWOT từng địa điểm thí nghiệm và đưa ra 04 nhóm giải pháp về: kỹ thuật, khuyến nông, chính sách - phát triển thị trường, và gắn kết phát triển du lịch. Từ đó, đề xuất cho cơ quan quản lý các cấp, người dân, hướng ứng dụng và nghiên cứu tiếp theo của mô hình lúa-cá.

- Kết quả đào tạo, tập huấn chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài: đã tổ chức các hội thảo đầu bờ sau mỗi vụ, đào tạo và chuyển giao quy trình cho 40 nông dân và 20 cán bộ kỹ thuật của 02 huyện thực hiện mô hình.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu đề tài đã xây dựng thành công 02 mô hình canh tác lúa - cá - CAT và lúa - cá sạch, theo đó các sản phẩm lúa và cá từ 02 mô hình đều đạt chứng nhận VietGAP. Đây là cơ sở làm thay đổi tích cực về nhận thức và hành động quản lý sử dụng thuốc BVTV trong canh tác lúa của nông dân, tạo sản phẩm sạch cho người tiêu dùng, đa dạng hóa mô hình canh tác cho người dân địa phương. Kết quả đề tài sau khi nghiệm thu chính thức sẽ chuyển giao cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật An Giang; Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang; Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN An Giang; UBND huyện Thoại Sơn; UBND huyện Châu Phú và các tổ chức, cá nhân khác nếu có yêu cầu theo quy định hiện hành./.

KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ:

NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH LƯU TRỮ MỘT SỐ GIỐNG DƯỢC LIỆU IN VITRO TIỀM NĂNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP HẠT NHÂN TẠO

Lê Phan Đình Quý, Nguyễn Ngọc Giàu, Nguyễn Hoài Vững

Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang

1. Giới thiệu

Hiện nay, với sự tiến bộ của công nghệ nuôi cấy in vitro, tái sinh thành cây hoàn chỉnh từ phôi vô tính đã mở rộng phạm vi ứng dụng mới cho việc tạo hạt nhân tạo. Hạt nhân tạo được xem là phương pháp hiệu quả rút ngắn thời gian trong một số cây trồng quan trọng về mặt thương mại, nhiều tiềm năng cho sản xuất quy mô lớn với chi phí thấp để thay thế cho hạt thật. Một hạt nhân tạo được tạo thành tương tự như hạt giống thật bao gồm một phôi soma (giai đoạn hình tim hoặc hình thủy lồi) được bao quanh bởi một lớp phôi nhũ nhân tạo.

Thuận lợi của hạt nhân tạo đó là tạo dòng vô tính tạo ra các hạt giống tương tự nhau có đặc tính giống cây mẹ; góp phần bảo tồn được những loài thực vật quý hiếm đảm bảo duy trì sự đa dạng sinh học và tạo sự đồng bộ hơn trong thu hoạch các loại cây nông nghiệp quan trọng.

Hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenas* (Lour.)) là loại dược liệu quý, có rất nhiều công dụng trong điều trị bệnh như thiếu máu, thận gan yếu, thần kinh suy nhược, ăn ngủ kém, sốt rét kinh niên, phong thấp tê bại, đau nhức, gân xương, rắn độc cắn, bạc tóc sớm.... Cỏ ngọt (*Stevia rebaudiana*) được sử dụng như một nguồn chất làm ngọt không năng lượng, với độ ngọt rất cao (khoảng 200 - 300 lần đường sucrose từ mía).

Hiện nay, có rất ít nghiên cứu về quy trình bảo quản hà thủ ô trắng và cỏ ngọt bằng hạt nhân tạo. Từ đó, nghiên cứu “Nghiên cứu quy

trình lưu trữ một số giống dược liệu in vitro tiềm năng bằng phương pháp hạt nhân tạo” được thực hiện nhằm lưu giữ nguồn gen quý.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguyên vật liệu

Cây hà thủ ô trắng (*Streptocaulon juvenas* (Lour.) và cỏ ngọt (*Stevia rebaudiana*) nuôi cấy mô 3 tháng tuổi được lưu giữ tại Trung tâm CNSH An Giang.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Khảo sát ảnh hưởng của môi trường hạt nhân tạo

- Mục tiêu: xác định môi trường thích hợp tạo vỏ hạt nhân tạo.

- Tiến hành: cắt đoạn mẫu thành từng đốt riêng lẻ, cho tất cả các mẫu vừa cắt xong vào dung dịch Na-Alginate (đối chứng, bổ sung MS, ½ MS và ¼ MS)

2.2.2. Khảo sát sự nảy mầm của hạt nhân tạo trên các giá thể khác nhau

- Mục tiêu: xác định giá thể cho hạt nhân tạo nảy mầm tốt.

- Tiến hành: thực hiện tương tự như nội dung 2.2.1. Sau khi tạo thành hạt nhân tạo tiến hành trữ lạnh 4°C, trong bóng tối. Sau 2 tuần, 4 tuần lưu trữ cây chuyển lên các giá thể khác nhau xem tỷ lệ nảy mầm của hạt nhân tạo.

2.2.3. Khảo sát thời gian thích hợp cho lưu trữ hạt nhân tạo

- Mục tiêu: xác định thời gian tối ưu để lưu trữ hạt nhân tạo

- Tiến hành: môi trường tạo hạt nhân bằng Na-Alginate, sau đó hạt được trữ lạnh ở 4°C trong bóng tối. Sau mỗi 2, 3, 4 tháng tồn trữ cây chuyển lên giá thể thích hợp xem tỷ lệ nảy mầm của hạt.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Khảo sát ảnh hưởng của môi trường hạt nhân tạo

Mục tiêu của nghiên cứu hạt nhân tạo là tạo ra cấu trúc hạt giống hạt truyền thống và có các đặc điểm dễ xử lý, lưu trữ, tăng khả năng sống sót và mức độ nảy mầm.

Sau 2 tuần lưu trữ hầu hết các hạt nhân tạo hà thủ ô trắng đều nảy mầm, các chồi hình thành phát triển khá tốt, tỷ lệ nảy mầm của hạt nhân tạo hà thủ ô trắng đạt tỷ lệ khá cao trên 90% và không khác biệt giữa các nghiệm thức còn lại. Nghiệm thức 1 chỉ có Na-Alginate đạt tỷ lệ nảy mầm 100% và số chồi đạt trung bình 7,33 chồi, cao hơn các nghiệm thức còn lại.

Các hạt nhân tạo cỏ ngọt sau 2 tuần lưu trữ, ở nghiệm thức 2 có môi trường Na-Alginate bổ sung MS đạt tỷ lệ nảy mầm 100% và có số chồi trung bình lần lượt là 8,33 chồi, cao hơn các nghiệm thức còn lại.

Sau 4 tuần lưu trữ, kết quả cho thấy môi trường tạo hạt ảnh hưởng đến khả năng nảy mầm của hạt nhân tạo hà thủ ô trắng sau lưu trữ, tốc độ nảy mầm của các hạt chậm hơn so với sau 2 tuần lưu trữ, tỷ lệ chết tăng. Nghiệm thức 1 có Na-Alginate có tỷ lệ nảy mầm đạt 100% và có số chồi trung bình đạt 7,33 cao hơn các nghiệm thức còn lại.

Như vậy, nghiệm thức 1 môi trường Na-Alginate thích hợp cho sự tạo hạt nhân tạo đối với hà thủ ô trắng; nghiệm thức 2 là môi trường Na-Alginate có bổ sung MS thích hợp để tạo hạt nhân tạo cỏ ngọt.

3.2. Khảo sát sự nảy mầm của hạt nhân tạo trên các giá thể khác nhau

Tương tự, sau 4 tuần lưu trữ các hạt nhân

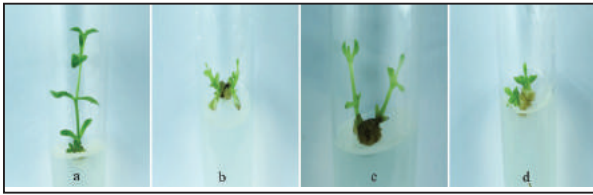
tạo hà thủ ô trắng vẫn có khả năng phát triển tốt ở nghiệm thức 2 có giá thể là môi trường MS có bổ sung 0,5 mg/L BA có tỷ lệ nảy mầm là 91,67% đạt số chồi trung bình 6,33 chồi và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức còn lại.

Sau 4 tuần lưu trữ, các hạt nhân tạo cỏ ngọt vẫn có khả năng nảy mầm ở 3 nghiệm thức 1, 2 và 4. Tỷ lệ nảy mầm của nghiệm thức 2 là 91,67% cao hơn nghiệm thức 1 là 83,33% tuy nhiên không có khác biệt ý nghĩa thống kê. Số chồi ở nghiệm thức 2 hình thành đạt trung bình là 6,67 chồi cao hơn nghiệm thức 1 là 5,0 chồi và không có khác biệt ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, nghiệm thức 1 các chồi mới phát triển tốt, sinh trưởng bình thường. Đối với nghiệm thức 2 chồi mới hình thành có hiện tượng thủy tinh hóa, cây con hình thành bị mọng nước. Do đó, nghiệm thức 1 là giá thể có môi trường MS thích hợp cho sự nảy mầm của hạt nhân tạo cỏ ngọt.

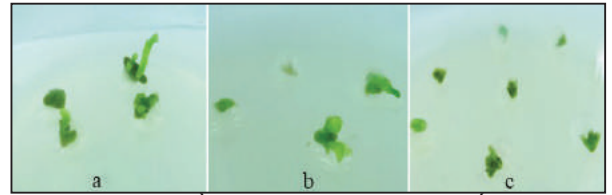
Như vậy, nghiệm thức 2 là giá thể có môi trường MS có bổ sung 0,5 mg/L BA thích hợp cho sự nảy mầm và phát triển của hạt nhân tạo hà thủ ô trắng; nghiệm thức 1 là giá thể có môi trường MS thích hợp cho sự nảy mầm của hạt nhân tạo cỏ ngọt.

3.3. Khảo sát thời gian thích hợp cho lưu trữ hạt nhân tạo

Thời gian lưu trữ hạt là yếu quan trọng ảnh hưởng đến sự nảy mầm của hạt sau thời gian lưu trữ. Các hạt nhân tạo hà thủ ô trắng cho thấy vẫn có khả năng nảy mầm tối đa sau 4 tháng lưu trữ ở nhiệt độ 4°C trong bóng tối (Bảng 1 và Hình 2). Sau 2 tháng lưu trữ khả năng nảy mầm của hạt đã giảm hơn so với các nội dung thực hiện sau 4 tuần lưu trữ, tỷ lệ nảy mầm của hạt đạt 73,33%, số chồi trung bình tạo thành đạt 13,67 chồi và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với sau 3 và 4 tháng lưu trữ. Sau 3 tháng lưu trữ khả năng nảy mầm của hạt giảm đáng kể xuống còn 40% và số chồi trung bình đạt 6,67 chồi. Cuối cùng, sau 4 tháng lưu trữ khả năng



Hình 1. Sự nảy mầm của hạt nhân tạo cỏ ngọt trên các loại giá thể khác nhau: a. MS; b. MS + 0,5 mg/L BA; c. MS + 0,5 mg/L NAA; d. MS + 0,5 mg/L BA + 0,5 mg/L NAA.



Hình 2. Sự nảy mầm hạt nhân tạo hà thủ ô trắng sau thời gian lưu trữ: (a) 2 tháng; (b) 3 tháng; (c) 4 tháng.

nảy mầm của hạt hà thủ ô trắng giảm chỉ còn 13,33% và số chồi tạo thành rất ít chỉ có 1,33 chồi, thấp nhất so với sau 2 tháng và 3 tháng lưu trữ và khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Theo nghiên cứu đối với hạt nhân tạo hà thủ ô trắng cho thấy thời gian lưu trữ lâu hơn so với nghiên cứu của Ray và Bhattacharya (2008) thực hiện trên cây ba gạc Ấn độ (*Rauvolfia serpentine*) chỉ hơn 3 tháng lưu trữ ở 4°C.

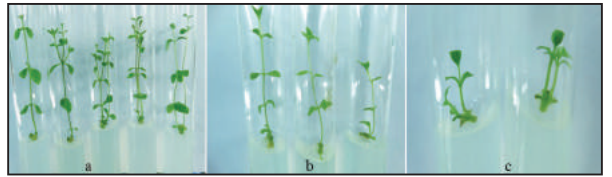
Ở 2 tháng sau lưu trữ, khi cho hạt cỏ ngọt nảy mầm lên giá thể MS có tỷ lệ nảy mầm đạt 86,67%, số chồi tạo ra trung bình là 16,33 và cả hai chỉ tiêu điều khác biệt có ý nghĩa thống kê so với sau 3 tháng và 4 tháng lưu trữ. Các hạt sau 2 tháng nảy mầm và chồi mới hình thành phát triển tốt, cây khỏe. Sau 3 tháng lưu trữ, khả năng nảy mầm đã giảm một phần, tỷ lệ đạt 66,67% và số chồi trung bình tạo ra là 13 chồi. Các chồi mới hình thành tạo số chồi ít hơn so với 2 tháng nhưng các hạt vẫn phát triển sinh trưởng bình thường. Sau 4 tháng lưu trữ, tỷ lệ nảy mầm của hạt nhân tạo Cỏ ngọt là 50% và số chồi trung bình là 10, thấp hơn so với sau 2 và 3 tháng lưu trữ. Tốc độ nảy mầm của hạt cỏ chậm hơn so với 2 và 3 tháng, chiều cao chồi thấp hơn (Bảng 1 và Hình 3).

Theo nghiên cứu của Nower (2014), hạt cỏ ngọt được tạo từ môi trường MS sau 5 tuần lưu

Bảng 1. Ảnh hưởng thời gian lưu trữ lên sự nảy mầm hạt hà thủ ô trắng, cỏ ngọt

Thí nghiệm	Thời gian lưu trữ	Hà thủ ô trắng		Cỏ ngọt	
		Tỷ lệ nảy mầm	Số chồi	Tỷ lệ nảy mầm	Số chồi
1	2 tháng	73,33 ^a	13,67 ^a	86,67 ^a	16,33 ^a
2	3 tháng	40,00 ^b	6,67 ^b	66,67 ^b	13,00 ^b
3	4 tháng	13,33 ^c	1,33 ^c	50,00 ^c	10,00 ^c

Ghi chú: Các giá trị có mũ có cùng mẫu tự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%.



Hình 3. Sự nảy mầm hạt nhân tạo cỏ ngọt sau thời gian lưu trữ: a. 2 tháng; b. 3 tháng; c. 4 tháng.

giữ có tỉ lệ nảy mầm chỉ 69,53%.

Ngày nay có rất ít nghiên cứu về bảo quản hạt nhân tạo và kỹ thuật cần phải có nhiều nghiên cứu hơn nữa vì tiềm năng to lớn của hạt nhân tạo như dễ dàng lưu trữ nguồn gen và tiết kiệm được chi phí.

4. Kết luận

- Môi trường tạo hạt nhân tạo thích hợp với hà thủ ô trắng là Na-Alginate sau 2 và 4 tuần lưu trữ tỷ lệ hạt nảy mầm là 100% và số chồi trung bình tạo thành là 7,33; đối với cỏ ngọt là Na-Alginate 3% bổ sung MS sau 2 và 4 tuần lưu trữ tỷ lệ hạt nảy mầm là 100% và số chồi trung bình tạo thành là 8,33.

- Giá thể thích hợp cho sự nảy mầm của hạt nhân tạo hà thủ ô trắng là môi trường MS bổ sung 0,5 mg/L BA sau 2 và 4 tuần lưu trữ tỷ lệ hạt nảy mầm là 100% và 91,67%; số chồi trung bình tạo thành là 6,0 và 6,33; giá thể thích hợp cho hạt nhân tạo cỏ ngọt là môi trường MS sau 2 và 4 tuần lưu trữ tỷ lệ hạt nảy mầm là 86,67% và 66,67%; số chồi trung bình tạo thành điều là 5.

- Hạt nhân tạo các loại dược liệu có khả năng nảy mầm và phát triển sau thời gian lưu trữ. Hạt nhân tạo hà thủ ô trắng sau 2, 3 và 4 tháng lưu trữ với tỷ lệ hạt nảy mầm tương ứng là 73,33; 40 và 13,33%; số chồi trung bình tạo thành tương ứng là 13,67; 6,67 và 1,33; hạt nhân tạo cỏ ngọt sau 2,3 và 4 tháng lưu trữ với tỷ lệ hạt nảy mầm tương ứng là 86,67; 66,67; 50%; số chồi trung bình tạo thành tương ứng là 16,33; 13 và 10./.

SỞ KH&CN AN GIANG

KẾT QUẢ 05 NĂM TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025”

Lê Quốc Cường

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Nhằm hỗ trợ hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH của tỉnh An Giang, Sở KH&CN đã triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia đến năm 2025” tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 844); kết quả triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

Về xây dựng chính sách, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2025 và trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang đến năm 2025.

Sở KH&CN đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức và tham gia các sự kiện về khởi nghiệp như: Sự kiện Ngày hội khởi nghiệp ĐMST (gọi tắt là Techfest) vùng ĐBSCL tại An Giang năm 2018 với sự tham dự của trên 300 lượt đại, Cuộc thi “Tìm kiếm tài năng khởi nghiệp ĐMST vùng ĐBSCL” năm 2018, Hội thảo



Khai mạc Cuộc thi “Tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” năm 2018 tại An Giang

thúc đẩy hỗ trợ phát triển khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang năm 2019 với khoảng 140 đại biểu tham dự, lồng ghép triển lãm sản phẩm khởi nghiệp của 20 tổ chức, cá nhân của tỉnh, Cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang” lần thứ III năm 2019 và giới thiệu 05 dự án tham gia Techfest vùng ĐBSCL tại Cần Thơ, Cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp tỉnh An Giang lần thứ IV” năm 2020.

Về tập huấn, đào tạo về khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, hàng năm, Sở KH&CN đều cử cán bộ, giới thiệu đơn vị, Startups tham dự lớp đào tạo, tập huấn về khởi nghiệp ĐMST. Đến nay, Sở KH&CN đã phối hợp với Tỉnh đoàn, Trường Đại học An Giang và đơn vị tư vấn triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp ĐMST, nâng cao năng lực hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST cho khoảng 300 học viên là cán bộ phụ

trách hoạt động khởi nghiệp của các cơ quan, đơn vị và Startups; Tổ chức lớp tập huấn “Tìm kiếm ý tưởng sáng tạo” cho 215 đại biểu tham dự là sinh viên, đoàn viên, thanh niên. Phối hợp với SIHUB tổ chức Tọa đàm “Định hướng phát triển ĐMST tỉnh An Giang giai đoạn 2020 - 2025” với khoảng 20 đại biểu tham dự thuộc các Sở, ngành trong tỉnh.

Về công tác truyền thông, kết nối mạng lưới KNĐMST, thông qua các cuộc hội nghị, hội thảo, website và Bản tin KH&CN, Sở KH&CN đã truyền thông Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp ĐMST đến hơn 1.000 lượt đại biểu là CBCCVC, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Bên cạnh đó, Sở KH&CN cũng tổ chức khảo sát cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh để xem xét kết hợp hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp theo các chương trình hỗ trợ như Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp ĐMST; Chương trình hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ; Chương trình nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; Chương trình tuyên truyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

Ngoài ra, Sở KH&CN đã lồng ghép trưng bày, giới thiệu các sản phẩm khởi nghiệp ĐMST của tổ chức, cá nhân tại các sự kiện do ngành KH&CN tổ chức ở An Giang và địa phương khác.

Với những kết quả trên đã cho thấy công tác hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST của tỉnh ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất với lộ trình và bước đi phù hợp. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khó khăn, hạn chế như sau: ⁽¹⁾Nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp ĐMST còn hạn

chế, ⁽²⁾Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu chưa được đầu tư đúng mức, chưa khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hiện có ở các đơn vị, tổ chức hoạt động KH&CN của tỉnh, ⁽³⁾Công tác hỗ trợ và các hoạt động khởi nghiệp còn diễn ra đơn lẻ, tính liên thông, liên kết chưa cao, ⁽⁴⁾Chưa có nhiều dự án khởi nghiệp ĐMST dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

Định hướng hoạt động khởi nghiệp ĐMST giai đoạn đến năm 2025, Sở KH&CN sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục tham mưu hoàn thiện chính sách hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang theo hướng dễ tiếp cận, tránh chồng chéo, thu hút hoạt động khởi nghiệp ĐMST, từng bước thúc đẩy phong trào ĐMST và hình thành văn hóa khởi nghiệp ĐMST của tỉnh.

2. Đào tạo nguồn nhân lực thực hiện hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST thông qua các lớp đào tạo giảng viên nguồn, khởi nghiệp liên chính, kỹ năng kêu gọi đầu tư và các kỹ năng liên quan khác.

3. Hình thành tổ chức ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST trong tỉnh.

4. Tổ chức Hội đồng KH&CN tư vấn, xét duyệt ý tưởng, dự án sản phẩm khởi nghiệp tiềm năng.

5. Kết nối mạng lưới cố vấn với doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức tham gia Techfest cấp vùng, cấp quốc gia nhằm kết nối doanh nghiệp với nhà đầu tư.

6. Đề xuất cấp có thẩm quyền hình thành quỹ đầu tư (đầu tư thiên thần, đầu tư mạo hiểm) của tỉnh nhằm hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST trong đó tập trung hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST./.

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÀM VIỆC VỚI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

Nhân dịp đến dự Lễ khởi công Dự án Chăn nuôi bò sữa tập trung quy mô công nghiệp công nghệ cao tại tỉnh An Giang và khảo sát, làm việc tại Dự án Heo giống công nghệ cao Việt Đan Tịnh Biên và trồng cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; chiều ngày 26/02/2021, Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt cùng đoàn công tác của Bộ KH&CN đến thăm và làm việc với Sở KH&CN tỉnh An Giang.

Tại buổi làm việc, Ông Tăng Phú An, Giám đốc Sở KH&CN tỉnh An Giang đã báo cáo với đoàn công tác về tình hình hoạt động KH&CN và đề xuất với Bộ KH&CN một số vấn đề còn khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh đã đặc biệt quan tâm, ban hành nhiều văn bản định hướng, chỉ đạo và cụ thể hóa các quy định của Trung ương trong công tác quản lý Nhà nước về KH&CN. Hoạt động KH&CN của tỉnh đã có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển KT - XH và tăng trưởng GRDP của tỉnh. Nhiều đề tài, dự án khoa học đã được quan tâm đầu tư góp phần chuyển giao các kỹ thuật tiên bộ khoa học cho người dân, doanh nghiệp. Đặc biệt xây dựng các mô hình sản xuất NNCNC; ứng dụng tiến bộ KH&CN sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu theo hướng hàng hóa; Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nhân giống, sản xuất, bảo quản và tiêu thụ cây ăn trái cây, rau, màu an toàn...

Công tác quản lý khoa học luôn đổi mới, tăng cường ứng dụng và phát triển các công



Ông Tăng Phú An - Giám đốc Sở KH&CN An Giang phát biểu tại buổi làm việc

nghệ mới, kỹ thuật mới trong sản xuất và đời sống. Đồng thời quan tâm nghiên cứu các vấn đề khoa học xã hội và khoa học nhân văn, làm luận cứ khoa học cho việc ban hành các chính sách giải quyết các vấn đề bức xúc đối với phát triển KT - XH của tỉnh.

Mặc dù, hoạt động KH&CN trong thời gian qua đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế. Trong đó, có thể nhận thấy rằng:

- KH&CN chưa đáp ứng được yêu cầu là động lực và nền tảng cho phát triển KT - XH, cho tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế địa phương. Một số quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương chưa dựa trên cơ sở của các nghiên cứu khoa học nên đã dẫn đến tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí và thiếu tính khả thi. Các thành tựu KH&CN chậm đi vào cuộc sống để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa phục vụ trong nước và xuất khẩu.

- Nhiều vấn đề của thực tiễn liên quan đến

quy hoạch, quản lý đô thị, phát triển bền vững, các vấn đề xã hội... chưa được nghiên cứu đầy đủ và có dự báo xu hướng, giải pháp giải quyết căn cơ; việc nghiên cứu đề xuất đặt hàng chưa sâu sát thị trường, đặc biệt là việc nghiên cứu những vấn đề có tính đột phá để khai thác tiềm năng, thế mạnh phục vụ phát triển KT - XH của tỉnh.

- Thiếu sự liên kết hữu cơ giữa nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo với sản xuất - kinh doanh; thiếu sự hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức nghiên cứu - phát triển, trường đại học với doanh nghiệp; Quá trình đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp còn chậm, dẫn đến chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước chưa cao.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác KH&CN tuy có phát triển về số lượng nhưng chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu các tập thể khoa học mạnh, thiếu các cán bộ đầu ngành; cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị nghiên cứu còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và thực tiễn đặt ra.

Tại buổi làm việc, Giám đốc Sở KH&CN đã đề xuất Bộ KH&CN một số nội dung sau:

- Hỗ trợ tỉnh thành lập Viện nghiên cứu rau, hoa, dược liệu ĐBSCL tại tỉnh An Giang.

- Hỗ trợ một nhiệm vụ cấp quốc gia nghiên cứu đánh giá và đề xuất giải pháp hiệu quả để thực hiện đảm bảo 04 nhiệm vụ (an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh thương mại và an ninh quốc phòng).

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt chúc mừng những thành tựu KT - XH và hoạt động KH&CN mà An Giang đạt được trong thời gian qua. Đặc biệt Bộ trưởng Bộ KH&CN đánh giá cao việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Sở KH&CN



Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt làm việc tại Sở KH&CN An Giang

đảm bảo các phòng chuyên môn và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Bộ trưởng Bộ KH&CN ghi nhận các kiến nghị của Sở KH&CN, Bộ trưởng cho rằng đây là những đề xuất mang tính tâm huyết và có tầm nhìn. Thời gian qua, các chương trình KH&CN của Bộ luôn quan tâm đến vấn đề an ninh nguồn nước.

Bộ trưởng Bộ KH&CN cũng đề nghị Sở KH&CN tỉnh An Giang cần lưu ý trong giai đoạn tới, khi cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã trở thành một trong những xu hướng phát triển của thời đại, An Giang cần phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng hiện nay sang mô hình dựa trên khoa học, công nghệ & ĐMST, qua đó mới có thể nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế để phát triển KT - XH nhanh, bền vững. Trong đó, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo như là cầu nối để KH&CN phục vụ trực tiếp phát triển KT-XH, qua đó tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh./.

Thanh Tùng

THÔNG TIN CẢNH GIÁC ĐỐI VỚI CÁC MẶT HÀNG DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG NGHI VẤN GIẢ VÀ KHÔNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Ngày 10/3/2021 Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng An Giang đã ban hành văn bản số 50/TĐC-QLTCCL thông tin đến các tổ chức kinh doanh xăng dầu và dầu nhờn (nhớt) động cơ đốt trong (gọi chung là dầu nhờn) trên địa bàn tỉnh An Giang.

Trong thời gian vừa qua, bên cạnh các tổ chức/cá nhân kinh doanh mặt hàng dầu nhờn đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và nhãn hàng hoá thì trên địa bàn tỉnh xuất hiện một số tổ chức/cá nhân lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân, đặc biệt là người dân ở khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa để bán mặt hàng dầu nhờn giả các nhãn hiệu nổi tiếng, mặt hàng dầu nhờn có pha tạp chất hoặc bị chế loãng khiến cho thị trường sản phẩm đang bị loạn giá và không đảm bảo chất lượng.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương đối với hàng hoá thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN. Trong năm 2020, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh An Giang đã tổ chức 01 cuộc khảo sát chất lượng đối với mặt hàng dầu nhờn lưu thông thị trường và phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý về chất lượng và nhãn hàng hoá đối với mặt hàng này. Qua kết quả khảo sát của Chi cục và thông tin trên báo đài thời gian gần đây cho thấy các loại dầu nhờn có chất lượng không phù hợp theo quy định với giá thành chỉ từ 30.000 - 45.000 đồng/chai có thể tích 1 lít với các nhãn hiệu như: PETROTEX, ALPHA, OTIS, POWER OIL, VANELLINE, PROLUBE, BEST và một số sản phẩm dầu nhờn nghi vấn giả nhãn hiệu CASTROL POWER1, CASTROL VISTRA, CASTROL ACTIV, KUBOTA.

Từ nhận định trên, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị các tổ chức kinh doanh xăng dầu có kinh doanh mặt hàng dầu nhờn và các tổ chức/cá nhân kinh doanh dầu nhờn trên địa bàn tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

- Nâng cao ý thức cảnh giác đối với các mặt hàng dầu nhờn không đảm bảo chất lượng; lựa chọn nhà sản xuất, phân phối chính hãng, có uy tín, sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp để đưa ra thị trường các sản phẩm đảm bảo chất lượng, góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản và quyền lợi người tiêu dùng, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về nhãn hàng hoá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật như: Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá; Thông tư số 06/2018/TT-BKHHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong; Thông tư số 10/2018/TT-BKHHCN ngày 01/7/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2018/TTBKHHCN và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng sẽ thực hiện công tác kiểm tra, khảo sát về chất lượng và nhãn hàng hoá đối với mặt hàng dầu nhờn động cơ đốt trong lưu thông thị trường nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời hành vi vi phạm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của ngành tại địa phương, bảo vệ quyền lợi và sức khỏe của người tiêu dùng. Rất mong các tổ chức, cá nhân quan tâm và thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành./.

Tiếp Thu

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT TIẾN ĐỘ CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÝ I/2021

Thực hiện quy trình quản lý, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang triển khai trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đoàn giám sát tiến độ, nội dung triển khai thực hiện quý I/2021; kết quả như sau:

1. Dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển KT - XH nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025

Thực hiện giám sát 03 dự án do Trung ương quản lý đang triển khai trên địa bàn tỉnh An Giang gồm: Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá bóng tượng tại tỉnh An Giang” do Trung tâm Tạo nguồn nhân lực phát triển cộng đồng chủ trì; Dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu tại An Giang” do Công ty TNHH TM DV Phố Thị 365 chủ trì; Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công



Mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá bóng tượng tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi bò sinh sản và vỗ béo bò thịt tại huyện Tri Tôn và Châu Thành, tỉnh An Giang” do Công ty cổ phần Nghiên cứu và Dịch vụ Khoa học công nghệ Nông nghiệp Tây Nam Bộ chủ trì.

Kết quả các dự án đều bám sát theo mục tiêu, nội dung và phương án triển khai thực hiện theo đúng quy định trong Thông tư số 07/2016/TT-BKH&CN ngày 22/4/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển KT - XH nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025.

2. Đề tài KH&CN cấp tỉnh

Đối với việc quản lý việc triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh Sở tiến hành giám sát 06 đề tài gồm: Đề tài “Nghiên cứu phát triển mô hình nông nghiệp đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang” do Trường Đại học Cần Thơ chủ trì; Đề tài “Thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục vụ



Mô hình chăn nuôi bò sinh sản và vỗ béo bò thịt tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang



Giống Lan Gấm tại vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang

phát triển ngành nông nghiệp và du lịch tỉnh An Giang” do Trường Đại học An Giang chủ trì; Đề tài “Thực trạng di dân nông thôn - đô thị và ảnh hưởng của nó đến vấn đề an sinh xã hội ở tỉnh An Giang” do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn (Trường Đại học An Giang) chủ trì; Đề tài “Xây dựng và phát triển mô hình nông lâm nghiệp kết hợp cho vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang” do Trường Đại học Nông lâm TP.HCM chủ trì; Đề tài “Nghiên cứu quy trình nuôi trồng và đánh giá hoạt tính sinh học của các giống Lan Gấm (*Anoetochils* sp.) phát triển tại vùng Thất Sơn tỉnh An Giang” do Trung tâm Công nghệ sinh



Mô hình đất ngập nước nhân tạo thay thế mô hình 03 vụ lúa trong vùng đê bao khép kín, tỉnh An Giang

học tỉnh An Giang chủ trì; Đề tài "Nghiên cứu xây dựng mô hình đất ngập nước nhân tạo thay thế mô hình 03 vụ lúa trong vùng đê bao khép kín, tỉnh An Giang" do trường Đại học Cần Thơ chủ trì.

Nhìn chung, qua kết quả giám sát các đề tài đã triển khai bám sát theo mục tiêu, nội dung và phương án triển khai thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh, vẫn còn một số đề tài triển khai còn chậm so với kế hoạch đề ra. Đoàn giám sát có nhắc nhở chủ nhiệm và đơn vị chủ trì tổ chức triển khai các nội dung còn chậm và nhanh chóng hoàn thiện các báo cáo gửi về Sở KH&CN để tổ chức hội đồng nghiệm thu.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, đã tiến hành giám sát tại địa điểm triển khai thực hiện các nhiệm vụ như: “Nghiên cứu ảnh hưởng của bột dinh dưỡng đến năng suất sinh trưởng và chất lượng thân thịt của gà thịt” do Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ Nông nghiệp An Giang chủ trì; “Xây dựng mô hình sản xuất xoài keo trái vụ an toàn và nâng cao hiệu quả kinh tế cho nhà vườn tại xã Khánh Bình, huyện An Phú” do Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện An Phú chủ trì; “Nghiên cứu mô hình cấp cứu đột quỵ nhồi máu não cấp tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang” do Trung tâm Y tế thành phố Châu Đốc chủ trì.

Kết quả triển khai các nhiệm vụ theo đúng mục tiêu và nội dung theo đề cương được duyệt, Ngoài ra, đoàn giám sát đề nghị cơ quan chủ trì và chủ nhiệm khẩn trương triển khai các nội dung còn lại để đảm bảo tiến độ theo đề cương đạt ra và có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ gửi về Sở KH&CN để có văn bản trả lời theo đúng quy định./.

Phòng Quản lý khoa học

GIỚI THIỆU CÁC CÔNG CỤ TRA CỨU THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trên toàn quốc dễ dàng tra cứu thông tin SHCN, Viện Khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN giới thiệu một số công cụ tra cứu thông tin sáng chế, kiểu dáng công nghiệp (KDCN), tra cứu nhãn hiệu trong nước và quốc tế như: các cơ sở dữ liệu tra cứu; phân loại sáng chế quốc tế (IPC); các bộ phân loại sáng chế quốc gia (USclass, ECLA...); bảng tra theo từ khóa; các ấn phẩm thông tin thư mục và tóm tắt sáng chế; các đĩa quang dùng để tra cứu; công báo sáng chế và/hoặc công báo SHCN; các bộ từ điển, phân loại KDCN (Locarno); các bộ phân loại KDCN quốc gia; các ấn phẩm thông tin thư mục và tóm tắt KDCN; các cơ sở dữ liệu tra cứu nhãn hiệu; phân loại nhãn hiệu (NICE, VIENNA)...

STT	TÊN CÔNG CỤ	ĐỊA CHỈ WEBSITE	CHỨC NĂNG TRA CỨU		
			SÁNG CHẾ	Kiểu Dáng Công Nghiệp	NHÃN HIỆU
TRONG NƯỚC					
1	Nền tảng dữ liệu và dịch vụ sở hữu Công nghiệp	 http://ipplatform.vipri.gov.vn/	✓	✓	✓
2	Nền tảng dữ liệu và dịch vụ sở hữu Công nghiệp	 http://ipplatform.gov.vn/	✓	✓	✓
3	Nền tảng dữ liệu và dịch vụ sở hữu Công nghiệp	 http://ipdata.gov.vn/	✓	✓	✓
4	Thư viện số về sở hữu Công nghiệp	 http://iplib.noip.gov.vn/	✓	✓	✓
5	Thư viện số về Bảng độc quyền Sáng chế/Giải pháp hữu ích của Việt Nam	 http://digipat.noip.gov.vn/	✓		
QUỐC TẾ					
1	Espacenet Patent search	 https://worldwide.espacenet.com/	✓		
2	WIPO IP PORTAL	 https://patentscope.wipo.int/	✓		
3	WIPO IP PORTAL	 https://www.wipo.int/madrid/monitor/en/			✓
4	World Intellectual Property Organization	 https://www.wipo.int/hague/en/		✓	
5	United States Patent and Trademark Office	 https://www.uspto.gov/patents-application-process/	✓		
6	United States Patent and Trademark Office	 https://www.uspto.gov/patents-application-process/search-patents#heading-1		✓	
7	United States Patent and Trademark Office	 https://www.uspto.gov/trademarks-application-process/search-trademark-database			✓
8	Japan Platform for Patent Information	 https://www.j-platpat.inpit.go.jp/	✓		
9	Japan Platform for Patent Information	 https://www.j-platpat.inpit.go.jp/web/all/top/BTmTopEnglishPage		✓	✓
10	European Union Intellectual Property Office	 https://euipo.europa.eu/ohimportal/en/rcd-search-availability		✓	✓

Bảo Quốc

Nguồn: Viện Khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN

KẾT QUẢ CUỘC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 2 TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

Thực hiện Quyết định số 56/QĐ-SKH-CN ngày 03/3/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và sử dụng phương tiện đo nhóm 2 trong lĩnh vực y tế; nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đo lường đối với các cơ sở y tế có sử dụng phương tiện đo nhóm 2 như huyết áp kế, nhiệt kế, máy đo điện tim, điện não... và an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh An Giang; Trong thời gian từ ngày 15/3/2021 đến hết ngày 25/3/2021, Thanh tra Sở KH&CN tổ chức cuộc thanh tra tại các cơ sở y tế có sử dụng phương tiện đo nhóm 2 và an toàn bức xạ trên địa bàn thành phố Long Xuyên.

Nội dung tiến hành cuộc thanh tra gồm:

- Về an toàn bức xạ: Khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ; Số lượng và tình hình kiểm định thiết bị X-quang đang sử dụng; Về đánh giá an toàn phòng chụp X-quang; Về kiểm xạ định kỳ nơi làm việc của nhân viên bức xạ; Về trang bị liều kế cá nhân, kết quả đọc liều kế cá nhân; Tình hình thực hiện việc gắn chỉ dẫn an toàn, an ninh, cảnh báo bức xạ, nội quy an toàn bức xạ; Về bố trí người phụ trách an toàn (quyết định phân công); Chứng chỉ nhân viên bức xạ (số lượng, họ và tên người được cấp chứng chỉ); Tình hình khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ (số lượng, tên); Tình hình về bảo hộ lao động cho nhân viên bức xạ; Các quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Về phương tiện đo nhóm 2: Số phương tiện đo nhóm 2 (nhiệt kế, huyết áp kế, phương tiện đo điện tim, điện não...) đang sử dụng; Tình hình kiểm định các phương tiện đo



Thực hiện đo suất liều phòng chụp X - quang

(giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định, hiệu lực kiểm định...).

Kết quả đã tiến hành kiểm tra thực tế tại 03 cơ sở y tế có sử dụng phương tiện đo nhóm 2 và an toàn bức xạ trên địa bàn thành phố Long Xuyên, hầu hết 03 cơ sở đều chấp hành tốt việc khai báo và thực hiện tốt giấy phép tiến hành công việc bức xạ, có thực hiện kiểm tra định kỳ các phương tiện sử dụng tại phòng khám, có thực hiện kiểm xạ định kỳ tại nơi làm việc và của nhân viên bức xạ...

Nhìn chung, kết quả thanh tra đã giúp cho các cơ sở y tế có sử dụng phương tiện đo nhóm 2 và an toàn bức xạ nhận thấy được việc thực hiện kiểm định và cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ là cần thiết nhằm bảo đảm an toàn cho cá nhân và quyền lợi của bệnh nhân đi tiến hành thăm khám tại các cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nguyễn Duy

KẾT QUẢ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ LẦN THỨ IV, NHIỆM KỲ 2021 - 2025



Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy An Giang Lê Văn Nung phát biểu tại Đại hội

Sáng ngày 11/3/2021, tại Hội trường Bảo tàng An Giang, Hội Khoa học Lịch sử (KHLS) tỉnh An Giang tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ IV nhiệm kỳ 2021 - 2025. Đại hội vinh dự được đón tiếp đại diện lãnh đạo tỉnh gồm có: ông Lê Văn Nung (Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy), ông Lê Văn Phước (Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh), bà Thái Thúy Xuân (Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy An Giang), ông Nguyễn Trung Lập (Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật), Ông Lê Quốc Cường (Phó Giám đốc Sở KH&CN), Ông Đào Sỹ Tuấn (Phó Giám đốc Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch) và lãnh đạo các sở ngành cùng với 80 hội viên tham dự. Đại hội vinh dự được đón tiếp PGS.TS Hà Minh Hồng (Ủy viên BCH Hội KHLS Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội KHLS TPHCM), TS. Trịnh Công Lý (Chủ tịch Hội KHLS tỉnh Sóc Trăng), Ông Trương Quang Phú (Chủ tịch Hội KHLS tỉnh Vĩnh Long) đến tham dự. Đại hội dưới sự chủ trì của ông Đặng Hoài Dũng (Chủ tịch Hội KHLS tỉnh An Giang) đã báo

cáo đánh giá kết quả hoạt động Hội KHLS tỉnh An Giang lần thứ III nhiệm kỳ 2016 - 2020 và đề ra phương hướng nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, Hội KHLS An Giang đã phối hợp với Huyện ủy và UBND các huyện Tri Tôn, Tịnh Biên, Chợ Mới, Châu Phú, Thành ủy và UBND TP Long Xuyên, Thành ủy và UBND TP Châu Đốc và Bảo tàng An Giang tổ chức thành công 20 cuộc hội thảo khoa học về các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử. Trung bình một cuộc hội thảo có từ 120 - 180 đại biểu đến tham dự. Ngoài ra, Hội KHLS An Giang đã tích cực tham gia các cuộc Hội thảo khoa học và viết bài trên các báo và tạp chí có liên quan đến chức năng Hội trong và ngoài tỉnh như Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre và Cần Thơ tổ chức, tham gia Hội đồng đặt tên đường của tỉnh và tham gia Hội đồng KHCHN tỉnh ở lĩnh vực liên quan văn hóa - lịch sử, tham gia đóng góp tất cả bản dự thảo lịch sử do các ngành các cấp. Bên cạnh đó, Hội KHLS tỉnh đã in chính thức 22 đầu sách sau các cuộc hội thảo, sách do hội viên biên soạn,



Ban chấp hành Hội Khoa học Lịch sử lần thứ IV nhiệm kỳ 2021 - 2025

sách do Trang CLB thơ đường sáng tác, phát hành rộng rãi. Bình quân mỗi năm có hơn 04 đầu sách. Các đầu sách trên đây đã góp phần tuyên truyền, phổ biến lịch sử rộng rãi trong toàn tỉnh,...

- Về phương hướng và nhiệm vụ nhiệm kỳ tới: Tiếp tục kiện toàn tổ chức và phát triển hội viên, thành lập thêm các Chi hội ở các huyện thị, cơ quan, đơn vị có đủ số lượng hội viên; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về lịch sử tỉnh nhà và tham gia phản biện các đề tài khoa học cấp tỉnh và ngành, địa phương liên quan đến văn hóa lịch sử xưa và nay để tham mưu cho các cấp lãnh đạo tỉnh; Tổ chức 15 cuộc hội thảo khoa học về nhân vật lịch sử, văn hóa và sự kiện lịch sử; Đăng ký và thực hiện 1 - 2 đề tài khoa học cấp tỉnh và 3 - 4 đề tài khoa học cấp cơ sở. Tổ chức xuất bản từ 8 - 10 đầu sách về văn hóa - lịch sử trong tỉnh; Phát động các thành viên, hội viên tham gia viết bài giới thiệu, nghiên cứu về lịch sử văn hóa địa phương, về các vùng miền của đất nước; Vận động xã hội hóa đóng góp quỹ hội.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị ông Lê Văn Nung, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy An Giang nêu rõ:

Hội KHLS An Giang luôn đoàn kết, có tâm huyết nâng tầm hoạt động. Vai trò của Hội KHLS rất quan trọng trong thời đại 4.0. Tạo điều kiện để Hội hoạt động và có sự phối hợp giữa Hội, các chi hội. Phát triển thêm các chi hội ở địa phương, tìm những người có tâm huyết tham gia hội và có điều kiện thuận lợi để lãnh đạo như phó ban tuyên giáo kiêm chi hội trưởng hội.

Trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, Hội đã tổ chức 20 cuộc hội thảo, tập trung ở các huyện, thị, thành phố như: Châu Đốc, Long Xuyên, Tri Tôn, Tịnh Biên, Châu Phú, Chợ Mới, cũng cần lưu ý vì sao chưa phát triển ở 5 huyện còn lại (Châu Thành, Thoại Sơn, Tân Châu, An Phú, Phú Tân). Lịch sử và văn hóa có sự giao thoa, hòa quyện nhau. Lĩnh vực nào được cấp ủy quan tâm thì phát triển.

Hội nghị đã bầu ra Ban chấp hành mới nhiệm kỳ 2021 - 2025 gồm có 15 thành viên, ông Đặng Hoài Dũng được bầu giữ chức Chủ tịch Hội, và bầu 08 thành viên đại diện Hội KHLS tỉnh An Giang đi dự Đại hội đại biểu Hội KHLS Việt Nam vào cuối quý II/2021 tại Hà Nội./.

LTD

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC NỘP, TIẾP NHẬN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC AN TOÀN, BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

Thực hiện Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (có hiệu lực từ ngày 01/02/2021); căn cứ Thông báo số 215/TB-SKHCN ngày 02/3/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc nộp, tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn, bức xạ và hạt nhân, Sở KH&CN tỉnh An Giang thông báo đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang và các cơ quan, đơn vị có sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Tạm dừng tiếp nhận thủ tục đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) theo quy định tại khoản h, Điều 5 và Điều 36 của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, đơn vị sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế vẫn phải lập Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở theo mẫu quy định tại mục số III, Phần II, Phụ lục II của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP.

2. Đối với thủ tục đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ; Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ; Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế: thành phần hồ sơ đề nghị và các biểu mẫu thực hiện theo quy định cụ thể trong Nghị định số 142/2020/NĐ-CP.

3. Về thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ, cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ và xác nhận khai báo bức xạ trên địa bàn tỉnh An Giang. Nội dung này UBND tỉnh An Giang đã ủy quyền cho Sở KH&CN thực hiện tại Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 17/02/2021.

Chi tiết nội dung Thông báo được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Sở KH&CN tỉnh An Giang tại địa chỉ website: <http://sokhcn.angiang.gov.vn/>, mục Thông báo.

Thông tin liên hệ Phòng Quản lý chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang, điện thoại: (0296) 3954557./.

Ban biên tập Bản tin KH&CN An Giang kính mong bạn đọc tham gia góp ý xây dựng để Bản tin ngày càng phát triển, đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và nhu cầu thông tin của bạn đọc.

Mọi ý kiến, góp ý vui lòng gửi đến Tòa soạn:

- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: 0888727677 (Nguyễn Bảo Lâm - Thư ký)

- Email: bantinkhcnag@gmail.com

Chân thành cảm ơn!

Tưới tự động là một phương pháp tưới ứng dụng công nghệ tiên tiến đang được sử dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp, phục vụ phát triển đô thị góp phần giảm thiểu tối đa chi phí, tiết kiệm thời gian và công lao động. Với mong muốn phổ biến phương pháp này đến nhiều đối tượng người dùng, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ An Giang giới thiệu quy trình triển khai thực hiện như sau:

BƯỚC 01
KHẢO SÁT, CHỌN PHƯƠNG PHÁP

Khảo sát, đo đạc khu đất (nguồn điện, nước, địa hình, loại cây trồng, quy cách trồng...), chọn phương pháp tưới phù hợp, tính toán tổng nhu cầu tưới, sau đó vẽ sơ đồ bố trí hệ thống tưới,...

BƯỚC 02
LỰA CHỌN VẬT TƯ

- Chọn lựa vật tư: nguồn nước tưới, bơm, bộ lọc cặn, ống PVC trực chính, ống nhánh, béc tưới, bộ điều khiển tự động.
- Bộ điều khiển tự động có thể lựa chọn như: Timer hẹn giờ, thiết bị điều khiển từ xa bằng remote, thiết bị điều khiển bằng tin nhắn hoặc gọi điện, bằng phần mềm sử dụng sóng wifi từ điện thoại.
>>> Chọn nhà cung cấp vật tư uy tín đảm bảo chất lượng.

BƯỚC 03
LẮP ĐẶT

Kiểm tra kỹ việc đấu nối hệ thống đường ống, nguồn điện...bảo đảm kỹ thuật và độ an toàn trước khi vận hành hệ thống tưới.

BƯỚC 04
VẬN HÀNH

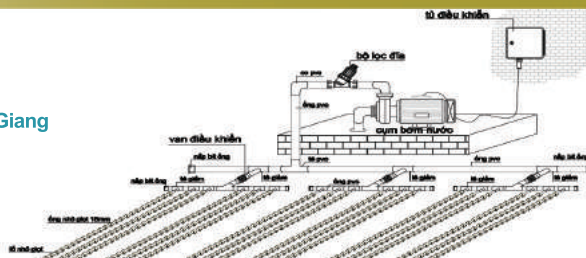
- Xác định nhu cầu tưới hàng ngày của cây trồng để thiết lập chế độ tưới tự động phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tránh lãng phí.
- Đối với cây ăn trái: sử dụng các loại béc tưới trực tiếp vào quanh gốc giúp tiết kiệm nước hiệu quả và cung cấp đủ lượng nước cây cần.

BƯỚC 05
THEO DÕI, BẢO TRÌ

- Kiểm tra máy bơm về tiếng ồn, độ rung, rò rỉ, lưu lượng và áp lực bơm.
- Kiểm tra rò rỉ nước trên đường ống.
- Vệ sinh bộ lọc định kỳ.
- Béc tưới thường hay bị nghẹt nên cần kiểm tra thường xuyên.

Hỗ trợ tư vấn: **Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ An Giang**

Địa chỉ: số 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: (0296) 3652.553 hoặc 0985.879.430 (ThS. Lê Thành Sơn)



THÔNG TIN CẦN BIẾT

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

Đường dây nóng tiếp nhận phản ánh vi phạm đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu
269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
☎ Chánh Thanh tra: 0918 309806
☎ Cơ quan: (0296) 3852850 hoặc (0296) 3852212

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (IP VIET NAM)

☎ 386 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
(024) 38583069, (024) 38583425, (024) 38583793, (024) 38585156

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

☎ Lầu 7, tòa nhà Hà Phan, số 17 - 19 Tôn Thất Tùng, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
☎ (028) 39208483 hoặc (028) 39208485

CHI CỤC TIỂU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

☎ 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
☎ (0296) 3955300
🌐 <http://tbtagi.angiang.gov.vn>

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC AN GIANG

☎ 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
☎ (0296) 6504499
🌐 <https://congnghesinhhoc-biotech.vn>

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

☎ 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
☎ (0296) 3954305 hoặc (0296) 3954306
🌐 <https://agitech.vn> 🌐 <https://atte.vn>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG là dấu hiệu để người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh An Giang được sản xuất trên cơ sở áp dụng những quy trình, quy chuẩn theo hướng an toàn

Mọi thắc mắc về Nhãn hiệu chứng nhận An Giang vui lòng liên hệ:

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

☎ (0296) 3955 300 🌐 tbtagi.angiang.gov.vn